

VIÊN CHIÊU TÙNG THƯ
Bồ Tát Có Bệnh
(Biên soạn về Kinh Duy Ma Cát)
Ns.Như Đức

---o0o---

Nguồn

www.quangduc.com

Chuyển sang ebook 20 – 8 - 2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

Lời giới thiệu

Giới Thiệu Đại Cương

- 1- Nguyên nhân của Kinh
- 2- Tôn chỉ của Kinh
- 3- Vị trí của Kinh
- 4- Phiên dịch

Phật Quốc

- 1- Giới thiệu hội chúng
- 2- Cúng dường, tán thán
- 3- Tinh Phật quốc độ

Phương Tiện

- 1- Giới thiệu trường giả Duy-ma-cật
- 2- Những phương cách để nhiếp phục người của trường giả Duy-ma-cật
- 3- Trường giả hiện bệnh

Đệ Tử

ĐẠI Ý TOÀN PHẨM

- 1- Tôn giả Xá-lợi-phất
- 2- Tôn giả Mục-kiên-liên
- 3- Tôn giả Đại Ca-diếp
- 4- Tôn giả Tu-bồ-đề
- 5- Tôn giả Phú-lâu-na
- 6- Tôn giả Ca-chiên-diên
- 7- Tôn giả A-na-luật
- 8- Tôn giả Ưu-ba-ly
- 9- Tôn giả La-hầu-la
- 10- Tôn giả A-nan

Bồ Tát

- 1- Bồ-tát Di-lặc
- 2- Đồng tử Quang Nghiêm
- 3- Bồ-tát Trì Thế
- 4- Trưởng giả tử Thiện Đức

Văn Thù Sư Lợi Thăm Bệnh

- 1- Hai vị Đại sĩ gặp nhau
- 2- Nguyên nhân bệnh
- 3- Cách đối trị bệnh
- 4- Bồ-tát hạnh

Bất Tư Nghi

- 1- Cầu pháp chẳng cầu tòa
- 2- Tòa Sư tử
- 3- Bất tư nghi giải thoát

Quán Chúng Sanh

- 1- Bồ-tát vào đời
- 2- Thanh văn học tập

Phật Đạo

- 1- Bồ-tát thực hành Phật đạo
- 2- Những gì là hạt giống Phật
- 3- Thân quyền của một vị Bồ-tát

VĂN KINH

Phật Hương Tích

- 1- Giới thiệu cõi Phật Hương Tích
- 2- Công năng cơm Hương Tích
- 3- Các phương tiện giáo hóa

Bồ Tát Hạnh

- 1- Sự thay đổi ở vườn Yêm-la
- 2- Giá trị cơm Hương Tích
- 3- Những phương tiện Phật sự
- 3- Thấy Phật Vô Động

Pháp Cúng Dường

- 1- Thiên Đế phát nguyện
- 2- Thuật chuyện tiền thân

Chúc Lụy

- 1- Gởi gắm kỳ vọng vào tương lai
- 2- Hai hạng Bồ-tát
- 3- Bồ-tát phát nguyện

Lời giới thiệu

Chúng sanh có bệnh nên tôi bệnh.

Câu nói rất nổi tiếng của cư sĩ Duy-ma-cật, biểu thị sự tương quan mật thiết giữa mình và người. Giáo lý đạo Phật đặt nền tảng trên con người, lấy hạnh phúc con người làm trung tâm điểm để phát huy lý tưởng Bồ-tát đạo. Kinh “Những điều được nói từ Duy Ma Cật” (Duy Ma Cật Sở Thuyết) thật ra là một buổi hội thảo thú vị, trong đó các vị Bồ-tát, Thanh văn đã nêu lên ý kiến của mình về sự nghiệp xây dựng con người, xây dựng cõi nước. Lời kinh nghiêm túc, đôi lúc được phá nét bằng những thần thông hý lộ. Giữa đôi hàng chữ, chúng ta vẫn đọc ra được sự tha thiết cứu độ của các bậc giải thoát, đã vuron đến cái tội cùng nhưng không quên chúng sanh.

Khung cảnh pháp hội mở ra tại kinh thành Tỳ-da-ly (Vesali), một tiểu quốc Ấn Độ nổi tiếng có nền cai trị dân chủ sớm nhất thời ấy. Các vương tử thành Vesali, trang phục hào hoa và sáng rỡ như thiên thần, cũng từng là những đề tài nói chuyện của đức Phật. Nhưng ở đây chọn Vesali, một thành phố trẻ để mở hội, vì ý kinh nhắm đến những người trẻ tương lai, luôn luôn sẵn lòng, làm những mũi nhọn tiên phong để kiến tạo thế giới.

Chúng ta thấy sự có mặt của trưởng giả tử Bảo Tích và năm trăm bè bạn. Với các vị thanh niên giàu có thông minh hiểu sâu Phật pháp này, là mảnh đất tốt để gieo mầm Bồ-tát. Tuổi thanh niên mong làm một cái gì đó lợi ích cho đời, nên Bảo Tích đã hỏi đức Phật một câu quan trọng, đó cũng là câu khơi mào cho cả các phần kinh sau.

- Bạch Thế Tôn! Năm trăm trưởng giả tử này đều đã phát tâm giác ngộ lớn, mong được nghe Phật dạy về các điều kiện của một thế giới trong sáng an lạc.

Phải chăng trong tận cùng tâm tưởng mỗi người, ai cũng nghĩ đến làm cách nào cho cuộc đời này phát triển tốt đẹp hơn, sung sướng tiện nghi hơn? Danh từ kinh gọi là: Tịnh Phật quốc độ.

Hiện tại chung quanh chúng ta vẫn có các vị Bồ-tát, tùy theo năng lực của mình mà giúp ích đời. Những lớp học tình thương, bếp ăn từ thiện, chương trình y tế về nông thôn... Mọi người đồng hành trên mọi nẻo nhân gian,

không nói ai là Bồ-tát, nhưng lý tưởng này đã được đặt ra từ thuở xưa. Chính đức Phật đã xác nhận “Tất cả chúng sanh là cõi Phật của Bồ-tát”. Thiết lập sự tương quan mật thiết giữa chúng sanh (người được cứu độ) và Bồ-tát (người cứu độ) như một thực tế không thể chia cách. Làm an vui mọi người là sự nghiệp của mình, ở đây làm sao nói đạo Phật là tiêu cực, làm ngơ với cuộc đời?

Điều đáng chú ý, Phật không nói về thành phố, quốc gia xây dựng theo công nghiệp hiện đại, với những mô hình bè thế quy mô. Phật chỉ dạy xây dựng một cõi tâm, tùy theo tâm thế nào mà quốc gia hiện bóng dáng thế ấy. Giáo dục tâm linh với những đức tính hiền thiện, chất trực, siêng năng... là điều kiện hàng đầu để xây dựng thế giới bên ngoài. Chúng ta thấy qua bài học lịch sử, những triều đại khởi đầu khi tâm người lãnh đạo còn tinh khôi mạnh mẽ sáng trưng, và triều đại dần đi vào diệt vong khi tâm của một triều đình lúc ấy đã biến chất. Chính tâm là nguyên nhân chủ yếu để xây dựng hay phá hủy. Tâm đưa con người đến đất nước bình an, nói theo kinh điển là: Trục tâm là tịnh độ, chúng sanh nào tâm ngay thẳng sẽ được ở cõi nước ấy. Đức Phật đã dạy một số tâm cần thiết để tạo nên cuộc sống và cảnh giới đẹp, trang nghiêm tương ứng, rất khoa học, dù cách đây hơn hai ngàn năm, nhưng không chứa một chút nào huyền hoặc, xa rời cuộc sống hiện tại. Một câu cũng rất nổi tiếng của đoạn này là lời kết của Phật: “Bảo Tích này, Bồ-tát nếu muốn được cõi Phật thanh tịnh, nên làm cho tâm thanh tịnh; tùy chỗ tâm thanh tịnh mà cõi Phật được thanh tịnh”.

Những điều đức Phật dạy cho thanh niên con nhà giàu Bảo Tích được xem như tiên đề khai mạc đại hội. Tinh thần chủ đạo của phẩm mở đầu này rất quan trọng, chỉ vì tầm vóc của Duy-ma-cật quá lớn nên đôi lúc chúng ta không lưu tâm. Xưa nay, trong kinh văn Đại thừa, phẩm mở đầu là phẩm nói lên toát yếu của toàn bộ kinh.

Duy-ma-cật chưa xuất hiện, nhưng ông được giới thiệu như một nhân vật cực kỳ ưu việt. Kinh dành riêng một phẩm để nói về những đức tính, công hạnh, cuộc đời của ông, với danh xưng ca ngợi không thua một vị Bồ-tát nào. Như các đại Bồ-tát Văn-thù, Phổ Hiền, Quan Âm được xưng tụng, ở đây một cư sĩ tại gia thế tục sống hòa mình trong cộng đồng, có gia quyến của cải thế lực kinh người, khi làm kinh tế hay khi giải trí vui chơi, đều có khả năng thu hút và giáo hóa. Ông sử dụng ảnh hưởng rộng lớn của mình như một phương tiện đi vào đời, gần gũi mọi tầng lớp từ đạo sĩ du tăng đến ca lâu kỹ viện, sống chung mà không nhiễm, tìm cách giáo hóa đưa về đường lành.

Một nhân vật như thế hẳn được nhiều người ái mộ. Để tạo cơ hội gặp gỡ hơn nữa, ông giả vờ bệnh, nhân đó mọi người lại đến thăm. Giữa tầng lớp quyền quý, trí thức, vô số người trong xã hội ấy, ông trình bày một cách quán sát thân thể, nhìn ngắm thân thể như một đối tượng nghiên cứu để thấy rõ thực chất. Còn chúng ta, ít khi có dịp thấy mình, hoặc có thấy cũng dưới lớp áo trang điểm che mắt sự thật. Phá được cái vỏ chấp thân, tâm ta dễ hòa đồng với muôn người và phát triển nhiều đức tính tốt làm lợi ích rộng lớn. Con đường Bồ-tát bắt đầu từ chỗ phá ngã. Đó cũng là lý do Duy-ma-cật đưa vấn đề này ra mổ xẻ đầu tiên.

Mười vị đệ tử lớn nhất trong hàng Thanh văn và bốn vị trong hàng Bồ-tát lần lượt trình bày những lần gặp gỡ với Duy-ma-cật và bị ông “sửa lưng”. Thật ra đó là 14 đề tài nhỏ mà kinh muốn gửi đến chúng ta, qua hình thức trình bày như một kịch bản, có người tung hứng, các nhân vật có người được người thua. Người thắng luôn luôn là Duy-ma-cật, người thua là các đệ tử Phật. Có điều, người thua cuộc kể lại chuyện mình thuần túy chỉ là kể lại, không phàn nàn mà còn tán phục khen ngợi. Trong phần Bồ-tát Trì Thế, có sự góp mặt của chúa Ma và 12.000 thiên nữ. Ma là tượng trưng cho thế lực hắc ám, âm mưu bất chính. Bồ-tát vô tình chẳng biết trò dối gạt, ma định đưa hết 12.000 thiên nữ cho Bồ-tát làm người sai bảo. Duy-ma-cật xuất hiện phá vỡ ý đồ của ma, và vô hiệu hóa mọi thế lực tăm tối. Giáo hóa 12.000 cô tiên thành người tuyên truyền cho Phật pháp, gọi là pháp môn “Vô tận đặng”. Dầu ở cung ma mà thấp sáng đèn giác ngộ, Duy-ma-cật đã đẩy ngược thế chủ động, ma bỗng thành người hiền.

Chỉ nghe kể lại mà Duy-ma-cật đã có biện tài và uy lực như thế, huống chi gặp gỡ. Bồ-tát Văn-thù là người hướng dẫn phái đoàn đến nhà Duy-ma-cật. Cuộc gặp gỡ giữa hai cao thủ đã làm bùng vỡ nền triết lý thượng thừa, ngay từ đầu Duy-ma-cật đã chào Bồ-tát:

- Quý hóa thay, ngài Văn-thù-sư-lợi mới đến! Tướng không đến mà đến, tướng không thấy mà thấy!

Câu nói báo hiệu một chân trời khác lạ sẽ mở ra, những suy nghĩ thường tình, con mắt quen thấy những hình ảnh hạn hẹp theo tầm hiểu biết nông cạn cũ kỹ sẽ bị một phen bồi rối, không thể hiểu. Bởi vì kinh này còn có tên là “Bất khả tư nghì giải thoát” (Tạm dịch: Sự rộng mở không thể suy nghĩ bàn luận). Chúng ta được đưa vào phương trời xa lạ, bát ngát mà chỉ có các bậc thượng nhân mới hiểu thấu. Có lẽ cũng nên một lần tham dự vào hội nghị

này, để những thành kiến về ta người, nam nữ, không gian thời gian... không còn bó chặt tâm thức. Cũng như người quen sống trong căn phòng nhỏ, ngọn đèn vàng vọt, một hôm bỗng bước chân ra sân, một trời đầy ánh trắng ngập tràn, chung quanh là không gian rộng mở, lòng thấy nhẹ nhõm, vui sướng. Cởi mở rộng rang, thành tựu được vô số đức tính tốt đẹp, làm một con người cao lớn tốt cùng (bậc đại Bồ-tát) với tâm tư hạnh nguyện bao trùm muôn loài. Đó là những vấn đề trao đổi, bàn bạc, thực hiện của các đại sĩ, kể từ khi đến thăm Duy-ma-cật.

Tham dự thảo luận nhiều nhất là ở phần “Vào pháp môn không hai”. Duy-ma-cật đưa ra chủ đề: Thế nào là Bồ-tát vào pháp môn không hai? Có 32 vị Bồ-tát đưa ra ý kiến chung quanh các vấn đề tội phước, sanh diệt, tốt xấu, chánh tà... để đến kết luận không thể phân chia tách rời. Sóng triều khi đầy khi vơi, không thể chọn một bỏ một. Thái độ chọn lựa, chia hai thường gây đau khổ, người mang tình thương vào đời phải có thái độ trung dung không phê phán, thiên lệch. Qua các cách trình bày chúng ta cũng thấy được chủ đích của kinh nhằm đến, và tự nhìn lại mình, vì còn bận bịu vướng mắc so đo, nên không thể nào vượt thoát tự tại. Có lẽ để hình tượng hóa vấn đề “pháp môn không hai” trước đó trong phẩm Bát Tư Nghi, Duy-ma-cật đã bung 32.000 tòa ngòai của một thế giới xa xôi, về để trong phòng thất của mình. Nhà ông trùm chứa 32.000 chỗ ngòai vẫn không thấy hẹp, không ngăn ngại, cả khung thành Tỳ-da-ly không bị lấn đất, và thiên hạ chung quanh không thấy có gì thay đổi.

Đã làm được việc đem cái lớn bỏ vào cái nhỏ, không ngăn ngại giữa vật chất này và vật chất khác, nên khi bị hỏi về “pháp môn không hai”, Duy-ma-cật làm thình. Ngài Văn-thù đã ngợi khen.

- Hay thay! Hay thay! Cho đến không có văn tự ngữ ngôn, đó mới thật là vào pháp môn không hai.

Một nhà du hành vũ trụ trở về trái đất, khi được hỏi cảnh giới ở tầng chân không ngoài quỹ đạo, sẽ không biết trả lời sao cho được. Ở một nơi không có trọng lực, mọi ý niệm về nặng nhẹ, dài ngắn, vuông tròn đều mất hết. Ở đó cũng chẳng có ngày đêm sáng tối, vì không phải là mặt đất để chịu sự chi phối của vòng quay quanh mặt trời. Thế là thời gian cũng chẳng biết nói sao. Hai ý niệm ràng buộc chúng ta nhiều như thời gian, không gian, kéo theo là kỷ niệm, mơ ước, ưu tư... đều mất điễm tựa. Mọi thứ diễn biến theo điều kiện khác, không có dòng sông trôi, ngày nay ngày mai, thi sĩ làm sao nói:

Tôi đứng bên này bờ dĩ vãng
Thương về con nước ngai ngừng xuôi

....

Với một người bình thường, cứ nghĩ đến việc leo lên máy bay rời mặt đất là đã thấy sợ, làm sao nói chuyện bước ra ngoài vũ trụ. Khoảng cách quá xa nên đối với vấn đề này chỉ im lặng.

Bản kinh Duy Ma Cát nằm trong chương trình giảng dạy cho trường Phật Học Cơ Bản Đồng Nai. Nhân khi soạn giáo án cho các ni sinh, tôi đã làm được một việc có lợi ích. Về sau bổ túc và viết thêm lời giới thiệu, chọn tập tranh của Hiếu Vân Sơn – Đài Loan làm phụ bản, cũng rất hứng thú. Tôi nghĩ mình ngôn từ hạn hẹp không thể diễn tả được hết ý thâm sâu của kinh, chỉ mong làm một món quà tặng các ni sinh của trường.

Viên Chiêu, cuối năm 2003

Thích nữ Như Đức

Giới Thiệu Đại Cương

1- Nguyên nhân của Kinh

Duy-ma-cật (Vimalakirti) là đệ tử tại gia của đức Phật và là trưởng giả thành Tỳ-xá-ly (Vaisali). Ông có khả năng thông hiểu Phật pháp, thân chứng cảnh giới “bất khả tư nghị” nên có nhiều đệ tử Phật không thể đối đáp với ông.

Khi đức Phật đến thành Tỳ-xá-ly, các vị trưởng giả hào phú đến thăm Phật, vắng mặt Duy-ma-cật vì ông bệnh. Nhân đó Phật bảo một số đệ tử lỗi lạc đến thăm bệnh ông. Hầu hết các Ngài từ chối vì đã từng thua ông trong khi biện luận yếu nghĩa Phật pháp. Cuối cùng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi dẫn đầu thánh chúng đến nhà trưởng giả Duy-ma-cật. Tại đây đã xảy ra vô số điều huyền nhiệm vượt ngoài khả năng suy tư thông thường. Hai vị Bồ-tát, một đại diện cho giới xuất gia, một đại diện cho giới tại gia đã thi triển biện tài khai mở tâm tư cho một số chúng về ý nghĩa tánh Không. Lời của các Ngài

được xác chứng như lời kinh, nên kinh này còn có tên “Duy Ma Cát Sở Thuyết Kinh”.

2- Tôn chỉ của Kinh

Kinh Duy-ma-cật nêu cao tôn chỉ Đại thừa, đặc biệt nhấn mạnh về Bồ-tát hạnh. Đứng trên lập trường tánh Không của Bát-nhã để thuyết minh thế giới vô biên, trong đó công hạnh của Bồ-tát cũng vô tận. Đó là một ước muốn thanh tịnh hóa nhân gian, việc làm không dành riêng cho giới xuất gia, mà cư sĩ cũng có bổn phận đảm trách.

Vì kinh có mục đích xiển dương Đại thừa, hướng tới sự cao rộng nên các hàng đệ tử Thanh văn của Phật trong kinh trở thành đối tượng yếu kém. Điều này không xúc phạm đến danh dự các Ngài, mà trái lại cho thấy sự thành tựu về “ngã không”. Hiểu được ngụ ý đó, đức của Thanh văn và đức của Bồ-tát đều được nêu cao.

3- Vị trí của Kinh

Kinh Duy-ma-cật xuất hiện vào khoảng thế kỷ thứ nhất Tây lịch, là một trong những bộ kinh Đại thừa thuộc hệ Bát-nhã . Theo Ngũ thời phán giáo của Đại sư Thiên Thai Trí Giả thì kinh này nằm vào thời thứ tư, đó là thời chuẩn bị đưa giáo lý của Phật đến chỗ viên mãn và đưa tư tưởng của đệ tử Phật thấu đạt chân lý tột cùng.

Tại Ấn Độ, kinh rất thịnh hành và thường được trích dẫn trong các bộ luận như luận Đại Trí Độ... Sang Trung Hoa, phù hợp với tinh thần nhập thế hoạt động nên càng được phổ thông lưu truyền.

4- Phiên dịch

a- Phạn – Hán

Tương truyền có sáu bản, nhưng hiện chỉ có ba bản trong Đại tạng. Ba nhà dịch:

Ngài Chi Khiêm: Dịch vào các khoảng năm 222 - 253 TL nhằm đời Ngô Tôn Quyền.

Ngài La-thập: Dịch tại kinh đô Trường An, thời Dao Tần (thế kỷ V TL).

Ngài Huyền Trang: Dịch tại kinh đô Trường An, vào khoảng năm 650 TL, thời Đường.

b- Hán – Việt

Phần lớn các vị dịch giả Việt Nam chọn bản kinh ngài La-thập làm chuẩn.

Các bản dịch:

- 1- Cư sĩ Đoàn Trung Còn
- 2- Hòa thượng Huệ Hưng
- 3- Hòa thượng Trí Quang
- 4- Sư trưởng Diệu Không
- 5- Hòa thượng Duy Lực

Các bản dịch và chú giải:

- 1- Hòa thượng Thanh Từ
- 2- Hòa thượng Trí Quảng
- 3- Thượng tọa Giới Hương

Đây chỉ là những bản dịch và chú giải được tìm thấy.

Phật Quốc

1- Giới thiệu hội chúng

Phật ở tại nước Tỳ-da-ly, vườn Am-la. Chúng Tỳ-kheo tám ngàn người, chúng Bồ-tát ba vạn hai ngàn. Trong phần Giới thiệu hội chúng, đặc biệt có đoạn mô tả các đặc tính của chư Bồ-tát. Cho thấy rằng kinh Duy Ma Cật đặc biệt chú trọng đến những người dự hội phải có những đức tính như thế. Đó là những đức tính gì? Về tự thân các Ngài đã thành tựu trí tuệ và hạnh nguyện, vĩnh viễn xa lìa phiền não (triền cái), tâm thường an trú trong vô ngại giải thoát, đầy đủ lục độ, thân tướng trang nghiêm, danh tiếng vang xa. Về phần lợi tha, các Ngài nguyện làm người bạn không rời cho chúng sanh, hàng phục ma oán để Tam bảo thanh hành. Vì lợi ích chúng sanh mà thuyết pháp như sư tử hống, ngôn âm vi diệu, rưới mưa pháp cam lồ khiến chúng sanh thấu lý duyên khởi, đoạn dứt tà kiến. Biết rõ căn cơ và tâm tư chúng sanh mà làm người dẫn đường qua biển sanh tử. Biết bệnh chúng sanh mà làm bậc y vương, tùy bệnh cho thuốc. Với đầy đủ công đức như thế, các Ngài thật cần thiết cho chúng sanh, cho thế giới.

Phần nói về công đức của các vị Bồ-tát cũng chính là nêu đại ý của Kinh. Toàn bộ Kinh đều nhắm đến sự thành tựu, khuyến khích sự thành tựu công hạnh lợi tha. Đưa ra một mẫu người hoàn thiện tự thân và cũng làm cho người khác hoàn thiện. Đó cũng chính là lý tưởng Đại thừa, sống một đời sống lợi ích an lạc hòa hợp giải thoát. Dù đang còn là phàm phu, hết thấy chúng ta đều ngưỡng mộ các phẩm cách được nêu trong Kinh. Từ trong ý thức ngưỡng mộ sẽ dẫn đến ý nguyện muốn mình được như thế. Đó là tiền đề mà Kinh nêu ra.

2- Cúng dường, tán thán

Trưởng giả tử Bảo Tích cùng năm trăm bằng hữu, mỗi người cầm một cây lọng quý dâng cúng lên đức Phật. Do oai thần của Phật, tất cả lọng báu hợp lại thành một cái lọng lớn, che khắp ba ngàn thế giới. Hết thấy ảnh tượng của thế giới bao la đều hiện trong lọng, núi sông trời đất đền đài, cả mười phương cõi Phật cũng đều hiện trong một cái lọng ấy.

Đoạn này ngụ ý chúng sanh dùng trăm ngàn thứ sai khác để với Phật, khi gặp Phật thì trăm ngàn thứ sai khác đều trở nên một, “Đồng qui nhi thù đồ”, hợp cái nhiều thành cái một, hợp tất cả cái riêng thành cái chung, trong cái chung ấy dung thông cả mọi quốc độ, hàm chứa tất cả mà không ngăn ngại nhau. Đó cũng là biểu thị uy lực của Tâm, của sức dung chứa nhiệm mầu

của Như Lai Tạng, bao trùm che phủ và phát khởi mọi hiện tượng, mọi hiện tượng không ra ngoài Tâm.

Trong lời kệ tán Phật, ca ngợi Phật và Phật pháp. Trong Phật pháp nói về chủ đề Ly nhị biên: có - không, thiện - ác... các pháp do nhân duyên sanh, không người, không tạo tác, không người thọ, nhưng nghiệp thiện ác không mất.

Thuyết pháp bất hữu diệt bất vô

Dĩ nhân duyên cố chư pháp sanh

Vô ngã, vô tạo, vô thọ giả

Thiện ác chi nghiệp diệt bất vong.

Lòng từ bình đẳng của Phật không đối riêng ai, Phật dùng một ngôn âm thuyết pháp mà mọi loài đều nghe đều nhận hiểu riêng.

3- Tịnh Phật quốc độ

Bảo Tích thưa hỏi, xin muốn được nghe về quốc độ thanh tịnh của Phật, về công hạnh làm nên tịnh độ của chư Bồ-tát.

Đây cũng là điểm chính mà kinh Duy-ma muốn đề cập, là vấn đề thiết yếu cho các vị Bồ-tát đương lai học hỏi.

Phật dạy: Các loài chúng sanh là cõi Phật của Bồ-tát. Bồ-tát tùy theo chúng sanh được hóa độ, tùy theo chúng sanh được điều phục, tùy theo chúng sanh thích hợp cõi nước thế nào để được vào trí tuệ Phật... Như thế Bồ-tát thành lập tịnh độ là vì căn cơ và nhu cầu của chúng sanh chớ không phải riêng mình.

“Bồ-tát thủ u tịnh quốc, giai vi nhiều ích chúng sanh”. Đó là ý thứ nhất: Bồ-tát lấy chúng sanh làm công hạnh, không rời bỏ chúng sanh, mà thành tựu được chúng sanh là thành tựu được cõi nước tịnh độ, tức nhiên chú trọng về nhân cách của người.

Ý thứ hai: Tùy theo chúng sanh nhưng sợ e chúng ta nhầm lẫn, rồi tùy theo luôn những tật xấu của chúng, nên ở đây nêu ra một số điều kiện: Trục tâm là tịnh độ, thâm tâm, Bồ-đề tâm... cho đến sáu độ, bốn vô lượng tâm, bốn nhiếp pháp, ba mươi bảy phẩm trợ đạo... Có nghĩa là tịnh độ ấy hoàn toàn đúng chánh pháp.

Hội nhập lại thì giáo hóa chúng sanh đầy đủ các điều kiện trên, đó gọi là thành tựu tịnh độ. Thuật ngữ thông dụng của đoạn này là “tùy kỳ tâm tịnh, tác Phật độ tịnh”. Hễ tâm ấy thanh tịnh thì Phật độ thanh tịnh. Một lần nữa nêu lên sự quan trọng của tâm.

Ngài Xá-lợi-phất nghe dạy xong chột nghi: Nếu như thế, chẳng lẽ khi Thế Tôn còn là Bồ-tát tâm Ngài không được thanh tịnh nên bây giờ cõi nước của Ngài bất tịnh thế này? Đoạn này cũng là một cách diễn tả sự biến chuyển của tâm rất thú vị, hứng khởi. Phật để cho Loa Kê Phạm Vương trả lời. Trong con mắt của Phạm Vương thì cõi nước này hoàn toàn thanh tịnh, nhưng trong con mắt của Xá-lợi-phất thì cõi nước không thanh tịnh. Đó là “Cội nguồn cũng bởi lòng người mà ra”.

Phật hiện thần lực, ấn ngón chân xuống đất, lập tức cõi nước này biến thành thất bảo trang nghiêm, đại chúng đều hoan hỉ tán thán.

Một phẩm này cũng đủ tóm thâu toàn bộ ý chỉ của Kinh.

Phương Tiện

1- Giới thiệu trường giả Duy-ma-cật

Ở phẩm Phật Quốc giới thiệu những phương pháp để tạo nên một cõi Phật thanh tịnh với hình ảnh cuối cùng là đức Phật ấn ngón chân xuống mặt đất thì thế giới Ta-bà hoàn toàn hiện ra hình tướng trang nghiêm thanh tịnh. Điều đó khó thực hiện vì chỉ có Phật mới có khả năng như thế. Đến phẩm này, giới thiệu một phương cách khác, gần gũi hơn, đó là hình ảnh một cư sĩ tục gia nhưng có khả năng của Bồ-tát. Phương tiện cũng có nghĩa là phương tiện thiện xảo, những cách thức thực hiện đem đạo vào đời.

Trưởng giả Duy-ma-cật được giới thiệu một cách trực tiếp với những đức tính như sau:

- Đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, trồng sâu căn lành (với ý nghĩa cúng dường chúng sanh tức cúng dường chư Phật thì trưởng giả đã là bạn thiết ủng hộ chúng sanh, càng ủng hộ chúng sanh thì căn lành càng sâu, chúng sanh là điều kiện để cho gốc lành được nảy nở, chúng sanh là nhân tố tạo nên tư cách của Bồ-tát theo đúng ý nghĩa của phẩm một).

- Có tất cả đức tính cần thiết của người sống giữa cuộc đời: Được vô sanh nhẫn, biện tài vô ngại, sử dụng thần thông như trò đùa, hàng phục các ma chướng oán tặc, đầy đủ trí huệ, rành rẽ mọi phương tiện để hướng dẫn người. Hiểu rõ tất cả tâm tư chúng sanh, biết căn cơ của họ thuộc thành phần nào. Làm việc gì đều suy nghĩ chín chắn theo quy củ của Phật, tâm lượng rộng lớn như biển.

Đưa ra một mẫu người như trưởng giả Duy-ma-cật để chúng ta thấy rằng những người cần thiết cho cuộc đời, hay tự mình đi theo con đường cần thiết cho cuộc đời, nên tự xét những điều kiện kể trên. Không phải chỉ cần là bậc hào phú giàu có, nhưng phải là người tu sâu trong pháp môn của Phật, có những đức tính rộng lớn (từ và trí) mới dám làm việc này.

2- Những phương cách để nhiếp phục người của trưởng giả Duy-ma-cật

- Giàu có để nhiếp phục người nghèo.
- Giữ giới thanh tịnh để nhiếp phục người phá giới.
- Dùng nhẫn nhục nhiếp sân giận.
- Dùng tinh tấn nhiếp biếng lười.
- Dùng nhất tâm nhiếp người loạn ý.
- Dùng trí tuệ quyết định nhiếp phục kẻ ngu si.

Phật giáo Đại thừa chủ trương nhiếp phục có nghĩa là thâm nhiếp được lòng người, muốn vậy phải có những đức tính mà người không có, nên Duy-ma-cật thực hiện lục độ: Bố thí, ... Đó là cách thứ nhất.

Cách thứ hai, sống một đời tại gia cư sĩ nhưng trang nghiêm thanh tịnh như Sa môn, tuy ở nhà mà không đắm trước, có vợ con mà không bị dục nhiễm chi phối, có quyến thuộc mà không bị ràng buộc. Có ăn mặc, cờ bạc vui chơi cũng chỉ tìm cách độ người, đây là một tính cách đồng sự. Đồng mà không bị hóa. Đi đến đâu là để làm lợi ích cho mọi người, không vì đắm nhiễm lợi lạc hay vui chơi vô ích. Người như ông, ở địa vị nào trong bốn thành phần thế gian hay ở các bậc trời cũng luôn luôn làm người bậc nhất.

3- Trưởng giả hiện bệnh

Trên là giới thiệu tổng quát. Đến đây đứng về mặt thiết thực. Muốn mọi người đến với mình, ông hiện bệnh. Vì là người nổi tiếng nên mọi người đều đến thăm. Nhân đó ông dùng chính thân mình để làm đề tài thuyết pháp.

... “Này các vị! Thân này là vô thường, là không mạnh khỏe, không có sức lực, không bền bỉ, là một pháp mau hoại, không đáng tin”.

Một vị cư sĩ giàu có đủ phước lực, mà phải có bệnh để chứng tỏ các pháp là bại hoại, dù danh vọng, dù giàu có cũng không thể qua được cửa ải của thân.

Phải có cái nhìn đúng về thân, dù đang ở địa vị sung túc mới giảng dạy được. Giả như nghèo túng ốm yếu mà kể khổ về thân thì đó là chuyện đương nhiên.

Những bất ổn của thân được nêu ra ở đây hoàn toàn đúng: Như bọt nước, như sương mai, như sóng nắng, như bẹ chuối, như huyễn, như bóng vang, như mây nổi...

Đứng trên lập trường phá ngũ âm thì trưởng giả đã thông suốt, vì thấy rõ cơ chế cấu tạo của thân này, và thấy rõ mọi khổ đau chấp chặt của chúng sanh đều phát sanh từ thân, nên phá chấp về thân trước.

Đưa đoạn này vào đây để thấy rằng giáo lý của Phật dạy là một mạch thông suốt. Dù Đại thừa, Tiểu thừa, dù người có biện tài thần thông vô ngại tới đâu, cũng phải thấy được thân không thật, không bền, đó mới là căn bản giải thoát.

Những bài thuyết pháp về sau của Duy-ma-cật rất tinh vi, rất hùng hồn, nhưng tất cả không thể xa rời bài thuyết pháp đầu tiên đơn giản thiết thực

này. Đó là điều chúng ta phải lưu tâm. Đó cũng là cách để chúng ta phán đoán những giáo điều ngoại lai về sau. Những lời dạy khoa trương hoa mỹ đến đâu, mà thiếu cái gốc của Phật giáo “Ngũ âm khổ - không - vô ngã” đều được coi là ma thuyết.

Từ cái thân hư giả đáng chán này khuyến khích lên một bước là cầu, là mong được Phật thân. Phật thân tức pháp thân, tức chỉ cho chân lý tuyệt đối. Đó là điều mà Duy-ma-cật nhắm đến. “Phát tâm Vô thượng Bồ-đề là thành tựu thân Phật”. Chủ đích của Kinh đã nói quá rõ qua câu này.

Đệ Tử

ĐẠI Ý TOÀN PHẨM

Điểm chính của phẩm này là các đệ tử lớn của Phật như tôn giả Xá-lợi-phất, tôn giả Ca-diếp... trình bày câu chuyện đối đáp giữa các vị và ông Duy-ma-cật. Phật sai các vị đến thăm bệnh trưởng giả, nhưng tất cả đều từ chối không kham vì hầu hết đã bị chính trưởng giả thuyết pháp chinh phục trong từng trường hợp riêng. Có phải trưởng giả Duy-ma-cật là người tài giỏi cao ngạo? Và hàng Thanh văn đệ tử Phật được xem như yếu kém?

Ở đây chúng ta nên gác qua ý niệm hơn thua khi đọc phẩm này, vì đó chỉ là suy nghĩ thường tình thế gian. Phật pháp có một ý nghĩa cao rộng siêu việt. Mượn lời trưởng giả Duy-ma-cật để bổ túc cho vấn đề được nêu ra hoàn thiện hơn, để khai mở một khía cạnh phong phú mà từ trước chúng ta chỉ quen nhìn một chiều. Đây là tính cách đả phá để thành lập. Hai bên bổ túc cho nhau, hay nói đúng hơn đem quan điểm Đại thừa để đẩy mạnh con đường Thanh văn đến chỗ hoàn thiện đầy đủ, để khai phóng cách nhìn, không bị gò bó trong một ước lệ nào cả.

1- Tôn giả Xá-lợi-phất

Tôn giả đang ngồi yên trong rừng, ngồi yên có thể là đang tĩnh tọa, hay đang nhập định. Duy-ma-cật trình bày một quan niệm khác về ý nghĩa ngồi yên: Không cần ngồi, và không hẳn ngồi đã là yên. Đó là điểm mới mẻ tuy khó

thực hiện. Ở trong ba cõi mà tâm ý không dính trong ba cõi, không ra khỏi Diệt định vẫn cử động oai nghi cũng được xem như nhập định...

Chú trọng về tâm mà không lệ thuộc vào thân, nghĩa là giữ tâm không hướng ra hay hướng vào để tâm yên đó là ngồi yên. Đối với các chỗ thấy nghe không bị động, không bị lay chuyển - xem như đã xong đã vững - nhưng vẫn tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo... Ngồi yên như thế là vượt qua hai bên, vượt cả động và tịnh, yên và không yên. Đó là ý của Duy-ma-cật hay là một ý khác của Đại thừa Phật giáo về tính ngồi yên.

2- Tôn giả Mục-kiền-liên

Ngài Mục-kiền-liên đang thuyết pháp cho cư sĩ, Duy-ma-cật đến biện biệt về ý nghĩa của chư pháp và cách nói pháp. Trước tiên nêu lên nguyên tắc “Phàm thuyết pháp nên như pháp mà thuyết”, nghĩa là nói pháp phải nói được chỗ pháp chân thật hay là tính tuyệt đối của pháp. Pháp lìa cả ngã, nhân chúng sanh, thọ mạng, pháp thường vắng lặng vì diệt các tướng, pháp lìa ngôn ngữ danh tự, pháp không hình tướng như hư không, pháp không có tính cách sở hữu, vượt ra ngoài đối đãi. Pháp như thế là pháp tánh, là bản tánh chân thật thường nhiên, như thế làm sao nói bàn? Không người nói không người nghe, nếu có nói thì cũng như người huyễn nói cho người huyễn nghe. Đây là chỗ Duy-ma-cật muốn nhấn mạnh chỗ sở đắc của ngài Mục-kiền-liên là thần thông, thần thông ví như trò ảo thuật, Ngài sử dụng ảo thuật thì chẳng có gì thiệt. Đề cập đến chân lý tột cùng thì làm sao có pháp để nói.

3- Tôn giả Đại Ca-diếp

Ngài Đại Ca-diếp đi khát thực, nhân đó bị Duy-ma-cật chê Ngài lòng từ bi không trùm khắp, còn bỏ nhà giàu mà xin nhà nghèo. Ông nói về pháp bình đẳng và tính cách cao siêu của việc khát thực. Khát thực là xin ăn để nuôi mạng sống, nhưng phải là không ăn không thọ, xem thân này như xóm làng vô chủ, gặp sáu trần mà không dính mắc mà thấy được lý đạo, biết rõ các pháp vốn không sanh không diệt. Khi tâm không dính mắc, không hạn cuộc vào chánh tà, bình đẳng không hai thì nên ăn, nên đi khát thực.

Chúng ta nghĩ ăn là việc bình thường, nhưng Duy-ma-cật nhân đó đưa việc ăn uống lên một phương diện tuyệt đối, nhắc đến một tính cách tha thiết

“thấy các pháp bình đẳng”. Các pháp bình đẳng không hai tướng là chủ đích mà Duy-ma-cật dùng để biện luận với các hàng đệ tử Thanh văn của Phật.

4- Tôn giả Tu-bồ-đề

Ngài Ca-diếp chuyên đến nhà nghèo khát thực, bị Duy-ma-cật chặn lại thuyết pháp. Đến phiên ngài Tu-bồ-đề, đến ngay nhà trưởng giả khát thực cũng được nghe nói về sự bình đẳng. Bình đẳng đối với tham sân si không lấy không bỏ, bình đẳng giữa vô minh và giải thoát... bình đẳng giữa đắc và không đắc, giữa thánh nhân và phàm phu. Nếu được đến chỗ này nhìn tất cả với con mắt nhẹ nhàng. Tiến thêm một bậc nữa, nếu tôn giả không theo Phật pháp mà theo ngoại đạo, tôn họ làm thầy, họ đọa tôn giả cũng đọa, Ngài luôn ở trong phiên nào mà lia pháp thanh tịnh. Người cúng dường tôn giả không gặp phước mà đọa ba đường dữ... Chỗ này mới thật là mang nhiên, ai lại có thể chọn một phương pháp trái nghịch như thế?

Tôn giả Tu-bồ-đề còn sợ không dám cầm bát cơm do Duy-ma-cật cúng. Nhưng trưởng giả đã nhắc: “Tất cả những điều tôi nói như người huyễn thuật nói, người biến hóa nói đâu có gì thật”. Tôn giả Tu-bồ-đề được Giải không đệ nhất mà đến chỗ này còn phải lúng túng. Thật ra đó là một cách trình bày về Tánh Không đệ nhất nghĩa.

5- Tôn giả Phú-lâu-na

Tôn giả được biệt danh là Thuyết pháp đệ nhất, khi thuyết pháp cho các tân Tỳ-kheo đã bị Duy-ma-cật nhắc nhở – phải quán sát tâm ý căn cơ người nghe, đừng đem pháp Tiểu thừa chỉ dạy giống như đem biển cả nhét vào đầu chân trâu... Và trưởng giả đã làm cho các Tỳ-kheo nhớ lại cội gốc căn lành và phát tâm Bồ-đề. Điều này hàng Thanh văn làm không được nên Phú-lâu-na tán thán.

6- Tôn giả Ca-chiên-diên

Tôn giả được gọi là Luận nghị đệ nhất, tức là người bàn giải về những lời Phật dạy rất thấu đáo, có thể giúp kẻ sơ cơ hiểu rõ hơn. Như thế, một hôm tôn giả diễn giải ý nghĩa của vô thường, khổ, không, vô ngã, tịch diệt thì gặp Duy-ma-cật đóng góp ý kiến.

Theo ý Duy-ma-cật, tôn giả chưa diễn đạt được thật tướng các pháp, nghĩa là chưa diễn đạt toàn thể mà chỉ nói được một phần thôi. Lật ngược lại ý nghĩa của vô thường là bất sanh bất diệt, sanh diệt chỉ là tướng vô thường nhưng pháp thể không hề sanh diệt, diễn bày được như thế mới thấu tận nguồn. Các ý nghĩa khác cũng thế. Các Tỳ-kheo nghe Duy-ma-cật nói xong đều được tâm giải thoát.

7- Tôn giả A-na-luật

Khi bàn về Thiên nhãn, tôn giả bị Duy-ma-cật vấn nạn là chỗ thấy của Thiên nhãn là hình tướng tạo tác. Hình tướng tạo tác là do sự vận dụng của nhãn căn, vin theo tướng trạng sự vật thì có cái thấy bị sanh diệt. Còn nếu không phải tướng tạo tác thì nó thuộc phần vô vi, không hình tướng thì thấy bằng gì?

Chỉ có đức Phật mới thực hiện cái thấy chân thật không do tạo tác và chẳng tạo tác.

8- Tôn giả Ưu-ba-ly

Được mệnh danh là Trì luật đệ nhất. Tôn giả đang giải quyết vấn đề phạm tội của hai thầy Tỳ-kheo. Duy-ma-cật bảo Ngài giải quyết đúng theo luật là làm tăng tội cho họ, làm họ bất an thêm. Vì bản chất của tội không thật, tùy tâm mà phát sanh, nếu tâm ô nhiễm thì đắc tội, nếu tâm thanh tịnh, vô tư thì không tội. Nhìn về phương diện tâm như thế thì tất cả chúng sanh đều có phần không cấu nhiễm nên tùy trường hợp để kết tội. Tất cả pháp đều biến thiên, đều trôi qua như mộng, đều là hình bóng phản chiếu, nhìn như thế vọng tưởng sanh chỗ nào? Không vọng tưởng thì tội không phát sanh, đó gọi là Trì luật đệ nhất.

9- Tôn giả La-hầu-la

La-hầu-la nói về lợi ích xuất gia cho các trưởng giả trẻ tuổi. Duy-ma-cật bảo nói như thế không đúng. Phải thấy chỗ không lợi, không công đức mới là pháp xuất gia vô vi. Còn thấy lợi, thấy công đức là chỗ xuất gia hạn hẹp.

Xuất gia là vượt ra khỏi mọi giới hạn biên tế, hay nói đúng hơn là không còn kẹt vào nơi chốn nào, đó là xuất gia chân thật. Theo ý Duy-ma-cật, xuất gia không phải là chỉ rời bỏ một nơi chốn, mà thật sự là vượt qua năm đường, ra khỏi bùn lầy dính mắc, không thấy có ngã sở, có thọ nhận. Đó là khéo vượt, là lia lổ. Xuất gia cũng gọi là phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Ý nghĩa xuất gia ở đây không phải trên hình thức mà nằm ở chỗ nội tâm viễn ly, dù cư sĩ tại gia cũng làm được. Đó là chủ ý của kinh Duy Ma Cật.

10- Tôn giả A-nan

A-nan làm thị giả Phật, mang bình bát đi xin sữa về cho Phật để trị bệnh. Bị Duy-ma-cật phản đối.

Thân Phật là thân kim cang, các ác đã dứt, các điều lành đều hội họp, làm sao có bệnh? Chuyển Luân Thánh Vương có chút ít phước còn không bệnh huống gì Phật?

Câu chuyện giữa tôn giả A-nan và Duy-ma-cật là vấn đề thắc mắc muôn đời. Phật có bệnh thật hay không? Những lời dạy về thân là nguồn khổ, gốc bệnh, không loại trừ một hữu tình nào. Điều này vẫn đúng.

Nhưng trên hết là cái nhìn về lý tánh tuyệt đối. Nếu thân Phật là pháp thân thì không còn hạn cuộc ở sanh già bệnh chết, không nằm trong vòng hữu vi. Thân như thế đã siêu việt mọi ức tướng, bệnh hay không bệnh chỉ là một cái nhìn.

Kết thúc của phẩm này qua câu chuyện của mười vị đệ tử lớn của Phật, ta thấy ý Kinh muốn trình bày một vấn đề lớn: Dùng con mắt pháp tánh để đi suốt một vấn đề. Những lời vấn nạn có khả năng giúp chúng ta vượt khỏi vướng mắc về ngôn ngữ.

Bồ Tát

1- Bồ-tát Di-lặc

Bồ-tát Di-lặc đã được thọ ký còn một đời sẽ thành Phật, xem như nắm chắc quả vị Vô thượng Bồ-đề trong tay. Nhưng vẫn còn kẽ hở qua câu vấn nạn của Duy-ma-cật. Một đời, đời ấy là đời nào? Để đánh bật ý tưởng quả vị Phật dựa vào thời gian mà có. Thành Phật ở đây không lệ thuộc thời gian vì “tất cả chúng sinh đều thành Phật”. Trên lý tánh bình đẳng, hễ ngài Di-lặc được quả Vô thượng Bồ-đề thì tất cả chúng sanh cũng đều được quả ấy, thế thọ ký dành cho riêng ai? Câu vấn nạn này không nhằm làm khó dễ Bồ-tát Di-lặc, mà nhằm nâng cao tinh thần chúng sanh, đặt chúng sanh ngang vào vị trí Bồ-tát và Phật. Phân lập đi lập lại câu “... nếu Bồ-tát Di-lặc... tất cả chúng sanh...” với mục đích nhấn mạnh âm hưởng đó.

Kể đến, Duy-ma-cật nói Bồ-tát Di-lặc đừng đem pháp về Bồ-đề, về Giác ngộ, về Bất thối chuyển mà dẫn dụ các thiên tử, vì đối với pháp Vô thượng Bồ-đề không có gì để phát tâm hay là lui sụt. Nghĩa là đã sẵn có tánh tướng Bồ-đề nơi mọi sự vật, nơi mọi chúng sanh, cho đến trong các pháp giả danh như huyền cũng mang đầy tính giác ngộ. Người đạt đạo nhìn đâu cũng trúng, người không đạt đạo dù ở ngay trong đạo cũng lọt ra. Chỉ cần mở con mắt thanh tịnh, con mắt tinh thức thì “Xúc mục là Bồ-đề”, Thiên Lão thiên sư nói: “Trúc biếc hoa vàng đâu cảnh khác, trắng trong mây bạc lộ toàn chơn” là vậy.

2- Đồng tử Quang Nghiêm

Đồng tử là đối với Phật, công hạnh của Bồ-tát chưa viên mãn nên gọi là đồng tử.

Đồng tử Quang Nghiêm gặp Duy-ma-cật trên đường vào thành Tỳ-da-ly, có nghĩa là Duy-ma-cật đang ở ngoài thành, ngoài thành có phải là đạo tràng không? Theo quan niệm thường thì đạo tràng là một nơi trang nghiêm, ở vị thế tốt, được nhiều người biết...

Để trả lời câu hỏi: “Đạo tràng là nơi nào?”, Duy-ma-cật nêu lên một số đức tính và hành động, thực hiện chúng thì ở đâu cũng là đạo tràng. Thí dụ khi làm việc mệt nhọc, nhưng mình nhẫn chịu không khởi lòng bực bội, thì chính nơi làm việc ấy, chính tâm lòng ấy là đạo tràng. Chúng ta cũng có thể hiểu đạo tràng là nơi đức Phật thành Đạo, nơi Bồ-tát hành Đạo, vậy thì khi gặp việc khổ đau, khi đối diện với người xấu trong tâm mình khởi được những ý niệm Từ - Bi - Hỷ - Xả, ngay chính người việc đó là đạo tràng. Ta như thế không cần chọn lựa. Duy-ma-cật đã nêu lên “Các phiến não là đạo

tràng” “Chúng sanh là đạo tràng” cho đến “Tất cả pháp là đạo tràng” “Ba cõi là đạo tràng”, vậy thì có gì ngoài đạo tràng, ngay cả một hành động giở chân cất bước cũng đã đứng tại đạo tràng.

Phần Bồ-đề ở trước và phần Đạo tràng ở đây cùng nối liền một ý. Bồ-đề là nói về người, đạo tràng là nói về nơi chốn.

3- Bồ-tát Trì Thế

Bồ-tát đang ở trong thất tĩnh lặng, ma vương đem mười hai ngàn thiên nữ đến đánh lễ, Bồ-tát lại khởi tướng là Đế Thích đến cúng dường. Đây cũng là bài học, mình tu hành thanh tịnh dù có ai đến cũng đừng khởi tướng, khởi tướng là lọt vào lưới ma.

Khi Duy-ma-cật xuất hiện phá vỡ màn kịch, cũng là lúc để chúng ta thấy lợi thế của cư sĩ, sống chung đụng với mọi thành phần nên dễ dàng nhận diện, Bồ-tát thì thanh tịnh cách ly quá nên không rõ mặt thật của cuộc đời. Duy-ma-cật mượn ma để giáo hóa ma, nên xin mười hai ngàn thiên nữ rồi dạy Phật pháp cho, khiến trở về cung ma thấp sáng ngọn đèn Vô Tận, lúc ấy ma hết còn là ma.

4- Trưởng giả tử Thiện Đức

Trưởng giả tử Thiện Đức được xếp vào trong phẩm Bồ-tát vì ông đang thực hành một hạnh Bồ-tát, theo truyền thống gia đình. Thực hiện một đại hội bố thí trong bảy ngày, theo tuần tự từ Sa-môn - ngày thứ nhất - đến kẻ ăn xin - ngày thứ bảy.

Nói là cúng dường tất cả, nhưng chúng ta không biết là có gì sai biệt giữa cách cho, đồ vật cho, cũng như tâm niệm xảy ra bên trong của người cho kẻ nhận. Một đại thí hội như thế có làm cho mọi người đều khởi tâm an vui, thí dụ mình là người có mặt trong thành phần dự hội? Có lẽ sẽ có nhiều vấn đề bàn cãi nên Duy-ma-cật khuyên trưởng giả tử bố thí bằng cách cùng một lúc cúng dường tất cả chúng sanh. Ấy là gì? Là khởi tâm tu tất cả pháp lành, được tất cả trí huệ, phát khởi tất cả pháp hỗ trợ Phật đạo... Thành tựu pháp thí như thế là vị Đại thí chủ. So sánh giữa việc đem tiền của ra cho (mình là người ban ơn) với việc kiên trì tu tập các pháp lành, việc sau khó làm hơn.

Đoạn cuối Duy-ma-cật đã đem xôi chuối anh lạc chia làm hai phần, một phần cho kẻ ăn xin hạ tiện nhất, còn một phần dâng lên đức Phật Nan Thắng. Nan thắng và tôi hạ: Bình đẳng. Rồi những kẻ ăn xin đều phát tâm đến quả Vô thượng Bồ-đề, điều này chứng minh cho ý nghĩa bình đẳng trên.

Văn Thù Sư Lợi Thăm Bệnh

1- Hai vị Đại sĩ gặp nhau

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi tượng trưng cho đại trí huệ, trí huệ lớn, trí huệ thông suốt mọi vấn đề, như thế đủ tư cách đến thăm. Tất cả những vấn đáp trước để chuẩn bị cho phần này, nghi thức rất quan trọng, không phải là chuyện đi thăm bệnh thường. Đến nhà trưởng giả có tám ngàn vị Bồ-tát, năm trăm vị Thanh văn và trăm ngàn trời người, cuộc thăm bệnh trở thành cuộc dự hội thuyết pháp.

Để ứng tiếp, Duy-ma-cật đã làm cho cái thất của mình trở nên trống không, dùng không để tiếp hết thầy đại chúng. Gặp nhau, ngài Văn-thù chưa kịp hỏi, Duy-ma đã nói trước, ý rằng Ngài dùng tướng chẳng đến, tướng chẳng thấy mà đến thăm tôi thì không thực có gì là đến là thăm. Đó là đầu mối của tất cả giáo lý Đại thừa, giáo lý tánh không duyên khởi như huyền. Ngài Văn-thù xác nhận không có tướng đến đi, dùng không tướng này để vào không thất nọ, dù cho trong thất có vật đi nữa đối với Ngài cũng chẳng dính vì chỗ có thể thấy lại là chẳng thể thấy (sở khả kiến giả cánh bất khả kiến).

2- Nguyên nhân bệnh

- Bệnh từ đâu sanh? Từ si ái sanh. Trong mười hai nhân duyên si là nhân quá khứ, ái là nhân hiện tại, như thế si ái là gốc của sanh tử tiếp nối, si ái là căn bệnh gốc của mọi thứ bệnh, chấp nhận sanh tử là chấp nhận bệnh, đã mang hình thức sanh tử là mang bệnh, sanh tử là bệnh lớn của tất cả chúng sanh.

- Bệnh đã bao lâu? Bệnh đồng thời với chúng sanh. Có ta có người là có bệnh. Chúng sanh đây cũng có thể hiểu là những chúng sanh vọng niệm

trong chân tâm ta, những bụi mù lăng xăng giữa hư không, là hoa đốm chợt sanh khi mắt nhắm. Khi ta bệnh, ta thấy có hoa đốm, hoa đốm kéo theo những cơn bệnh triền miên, bệnh không có thời khởi và thời diệt, vì như chiêm bao không biết khởi từ đâu và tắt bao giờ. Chỉ vì mình hốt nhiên chợt khởi. Bồ-tát thấy bệnh như cơn mộng, khi đã thấy rõ bản chất của bệnh cũng là biết cách trị rồi. Nên ở đây không hỏi thăm uống thuốc gì? Đi bác sĩ nào?

- Chùng nào hết bệnh? Khi nào chúng sanh hết bệnh. Kèm theo các bệnh của Bồ-tát là do lòng đại bi, vậy là không khi nào Bồ-tát hết bệnh, bởi lòng đại bi vô tận, chúng sanh còn bệnh là Bồ-tát còn vào trong sanh tử.

Bệnh chỉ là một trạng thái, một hình tướng không thật, chỉ có “không thật” thì trạm nhiên thường trụ vì “không thật” không một vật, không hình tướng. Cái giường bệnh nằm trong thất ấy, hình tướng bệnh nằm trong cái không ấy, đó là chỗ dụng ý.

Khi Bồ-tát Văn-thù hỏi về cái thất tại sao không. Chỗ không là chỗ vắng lặng chẳng còn phiền não bệnh tướng, chỗ đó phù hợp với cảnh giới Phật, nên Duy-ma-cật trả lời ngay là thất tôi cũng như một cảnh giới Phật vậy. Cái không ấy tự bản thể là không, chẳng phải do tạo tác, cũng chẳng phải là không của cái có, chẳng phải do phân biệt sinh. Một cái thất không mà đầy lời thuyết pháp hùng hồn. “Không” tìm ở đâu? Tìm trong sáu mươi hai kiến chấp, tức là tìm trong chỗ phân biệt chia chẻ vọng động tà kiến ấy. Sáu mươi hai kiến chấp tìm ở đâu? Tìm trong chỗ giải thoát của chư Phật... Dẫn quanh từ tà đến chánh, từ chánh qua tà, trộn đi trộn lại để thấy chỗ không thể chia chẻ, không thể phân biệt. Mỗi đoạn mỗi đoạn đều có câu trả lời đầy đủ ý nghĩa.

Hỏi vì sao không có thị giả? Thị giả hoặc là người hầu cận, tiểu đồng bưng trà nước. Duy-ma-cật dùng chúng ma và các ngoại đạo để làm người giúp việc, chúng tỏ khả năng siêu việt hơn nó, không bị chúng sai sử mà ngược lại điều khiển được chúng – dù đang bệnh. Một mặt khác ma và ngoại đạo là những con bệnh rất nặng, mình thấy chúng bệnh mà tự cảnh tỉnh, chúng cũng có ích cho mình lắm. Duy-ma-cật nói chúng ma ưa sanh tử, Bồ-tát thì đối với sanh tử không ưa không ghét (bất xả); ngoại đạo bị lay động bởi các kiến chấp thường đoạn, biên vô biên... dính mắc vào đó, không ra khỏi sự hí luận của ngôn từ, Bồ-tát thì biết các kiến chấp mà không bị lay động, biết để đối trị và vượt qua. Bồ-tát đối với ma và ngoại đạo vũ lộng uy thế của mình.

- Tướng trạng của bệnh ra sao? Không có hình tướng không thể thấy. Đã là bệnh thì không thật, không có hình tướng cố định. Nhưng nói không thể thấy, e rằng bệnh thuộc về tâm nên hỏi tiếp: Bệnh hợp với thân hay hợp với tâm. Trả lời Không hợp với thân vì thân là tướng ly. Trong thân không có cái nào đứng yên chỗ, luôn lia bỏ, luôn đi tới, luôn vô thường, tế bào ly, mạch máu cũng ly, gân mạch đều tích tắc chuyển đổi... vậy thì bệnh đó giá vô chỗ nào? Không hợp với tâm vì tâm như huyễn ảo, tâm là những bóng mờ không thật (vọng tâm) bệnh cũng chẳng gá vào được. Thấy thấu đáo như vậy thì chỉ kết luận một câu “Vì chúng sanh có bệnh từ tứ đại, nên tôi cũng bệnh”.

3- Cách đối trị bệnh

a- Phần của người thăm bệnh

Đến thăm bệnh, nên nhân lúc thân bệnh khổ mà nói về lý vô thường, vô ngã, đó là lúc dễ cảm nhận, nhưng không nói sự chán ghét thân, yêu thích Niết-bàn tịch diệt. Cần phấn khởi để làm việc nhiều hơn, giáo hóa chúng sanh nhiều hơn, nhân bệnh mình thương bệnh người, khởi tâm làm lợi lạc chúng sanh. Lấy kinh nghiệm của mình để biết rằng khi người đau cũng khổ như vậy, thế thì bệnh là một bài học, một lần mài dũa cho thân tâm, chớ không phải bệnh là bi quan chán đời.

Tóm lại, Bồ-tát thăm bệnh bằng cách khuyến khích người bệnh phát khởi hai tâm:

Một là tinh tấn hơn.

Hai là phát nguyện làm bậc Y vương cứu người.

b- Phần bệnh nhân

Bồ-tát Văn-thù hỏi: “Bồ-tát khi có bệnh phải làm sao để điều phục tâm?”

Duy-ma đáp: Bồ-tát phải nghĩ rằng bệnh này do vọng tưởng điên đảo nhiều đời mà sanh. Không đổ lỗi cho ai, quán kỹ gốc bệnh của mình đều từ mọi thứ phiền não vọng tưởng. Đã là vọng tưởng thì không thật có, không có người thọ bệnh. Vậy thì ai khổ? Không có chủ nhân để thọ nhận cái khổ của bệnh.

Nếu cho tứ đại là ta thì khi tứ đại bệnh ta cảm thấy ta bị bệnh. Nhưng tứ đại chỉ tạm hợp, ta chỉ là một ảo tưởng chấp Ngã. Mọi thứ bệnh đều từ nơi chấp ngã, vì yêu thích Ngã nên bệnh. Trừ bỏ ảo tưởng về ta và người, khởi lên tưởng về pháp. Biết các pháp khi khởi khi diệt chỉ là tự thân của chúng, không liên quan đến nhau, cũng không liên quan đến ta, đó là trừ được mọi suy tư về đối tượng và chủ thể. Khi trừ được chúng, bước vào cảnh giới bình đẳng, không thấy có cái bệnh và cái không bệnh, tuy vậy vẫn phải còn chừa một cái, đó là “Vô sở thọ” để cảm nhận tất cả.

Trên là dùng lý quán để điều phục bệnh, tiếp theo là dùng bi quán. Ta đã điều phục được chính mình nên thương tưởng tất cả chúng sanh trong đường ác mà điều phục cho họ. Vì dứt gốc bệnh mà dạy họ dứt gốc bệnh. Gốc bệnh phát khởi từ chỗ vin bắt đeo níu tất cả cảnh và người, tất cả hình danh sắc tướng và tư duy. Dùng Vô sở đắc để lia mọi phan duyên. Như thế hai vị thuốc “Vô sở thọ” và “Vô sở đắc” là diệu dược để trị bệnh.

Để nối với ý “Vì chúng sanh bệnh nên Bồ-tát bệnh” ở trước, đây dạy quán tiếp về cách giải bệnh cho chúng sanh. Bồ-tát đối với chúng sanh phải khởi tâm đại bi, thấy chúng sanh bệnh như chính mình bệnh, nhưng sợ rằng tâm đại bi dễ làm đắm nhiễm, gọi là “ái kiến đại bi”. Ái kiến bi là thấy có người bệnh thiệt và có mình cứu thiệt, như thế thiết lập tương quan giữa mình và người dễ sanh phiền não. Từ đại bi phát khởi phiền não gọi là ái kiến bi, cái này phải trừ bỏ. Nếu bị ràng buộc bởi chúng sanh thì mình trở lại bị buộc ràng, đối với sanh tử sanh chán ngán, không thể thực hành Bồ-tát hạnh. Đây cũng là một loại bệnh cần điều phục.

Nêu lên một loại bệnh khác của Bồ-tát, đó là tham đắm vị thiên. Bồ-tát không bệnh như phạm phu, mà còn kẹt trong pháp vị cũng là bệnh, nên sanh khởi phương tiện để thoát ra. Phương tiện ấy gọi là phương tiện huệ. Nếu Bồ-tát dùng tâm ái kiến để giáo hóa chúng sanh, tự dùng Không, Vô tướng, Vô tác tự điều phục, đó là không có phương tiện huệ. Bồ-tát không dùng tâm ái kiến độ chúng sanh. Đối với Không, Vô tướng, Vô tác chẳng nhằm mỗi, là có phương tiện huệ. Bồ-tát ở trong tham, sân, si mà gieo trồng công đức nghĩa là phụng sự chúng sanh mà nổi tham, sân, si lên, đó là không có huệ phương tiện. Phải lia tham sân si để khởi Phật sự. Những cách này cho thấy đi vào con đường Bồ-tát hạnh phải ứng dụng trí huệ vào hàng đầu, bi trí song hành thì mới mong độ chúng. Bồ-tát thiếu bi trí sẽ là con bệnh nặng, nên Phật dạy “Nếu mình bị trói thì không thể mở trói cho người”.

4- Bồ-tát hạnh

Trong phẩm thăm bệnh đề cập đến Bồ-tát hạnh, vì Bồ-tát hạnh là mục đích mà kinh này nhắm đến. Dem một việc hết sức bình thường trong cuộc sống để chuyển thành đề tài bàn thảo về phương tiện vào đời của Bồ-tát. Phương tiện vào đời ấy là việc làm, công hạnh, là pháp tu mà chúng ta phải áp dụng. Cho nên ở phần này nói về việc Bồ-tát tự giải bệnh cho mình cũng như sống với chúng sanh sao cho đừng chuốc bệnh vào người.

Bồ-tát phải thực hành trung đạo, lia cả hai bên phàm và thánh, dùng phương tiện điều phục tâm như tất cả việc vừa nêu, điều phục rồi không trụ trong đó, cũng không rơi vào tình trạng dao động, nghĩa là lúc nào cũng vượt qua, không đứng dừng ở một giai đoạn nào. Kinh nói “Trụ nơi tâm không điều phục (tâm buông lung) là phàm phu, còn trụ nơi tâm điều phục (có tu chứng) là Thanh văn”. Biết rõ tâm tánh như hư không, phiền não dấy khởi nên tạm điều phục, không thấy có điều phục thiệt nên an ổn tự tại. Đó là hạnh Bồ-tát.

Khả năng của Bồ-tát rất lớn có thể ở trong sanh tử hoặc Niết-bàn, không kẹt ở bên cầu bên tịnh vì cái thấy của các vị siêu vượt cả hai. Bồ-tát là người thông suốt cả lý kinh, thông thuộc Phật đạo nhưng đi vào đường tà để hóa độ, tuy gần gũi chúng sanh mà không ái trước, tuy thích xa lìa nhưng không để cho thân tâm khô kiệt... những hạnh của Bồ-tát cho thấy sự toàn vẹn về mọi mặt. Con đường hành động của Bồ-tát là con đường lý tưởng, là con đường của những người nắm được quy luật của cuộc chơi, người thông dong xử sự, người có khả năng đi vào cảnh giới giải thoát nhưng không bao giờ bỏ chúng sanh. Những điều nêu ra trong phần nói về Bồ-tát hạnh gợi cho chúng ta một sự phản tỉnh, muốn độ đời liệu mình có những đức tính ấy chăng?

Bất Tư Nghi

1- Cầu pháp chẳng cầu tòa

Cái thất không của Duy-ma-cật để tượng trưng cho chỗ “ung vô sở trụ” vì thế không có chỗ để ngồi. Còn có chỗ để ngồi là còn có vị trí, có vị trí sẽ có cao thấp, mất tính cách bình đẳng. Tìm tòa ngồi cũng như mình tu mà mong

đạt một quả vị, một chỗ nào đó trong thứ bậc của Phật pháp. Đó là đại ý những lời biện luận của Duy-ma-cật đối với ngài Xá-lợi-phất.

Nhân giả vì pháp mà đến hay vì ghé ngòi mà đến?

...

Nếu là người vì pháp thì không nghĩ đến thân mạng, vì nghĩ đến thân thì mới cầu một vị trí khả xứng, không quý thân nên chẳng cầu chỗ đứng ngòi. Ở đâu cũng là trong pháp tánh cả, đôi khi vì vị trí mà quên mất pháp tánh. Thế nên các bậc Đại Hòa thượng đôi lúc đi làm kẻ ăn xin, từ bỏ ngòi vị tôn quý trong chùa để ở dưới gầm cầu...

Pháp là thể Chơn như, là lý tánh tuyệt đối không phải là pháp của năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới... chẳng phải là pháp hạn cuộc trong ba cõi, vượt ra khỏi hình thức đối đãi nên người cầu pháp chớ kẹt trong tình lượng.

Người cầu pháp không bị kẹt vào Phật, Pháp và Tăng vì đó chỉ là sự thể hiện của lý tánh. Đắm vào Phật thì dính vào hình ảnh, danh từ chưa thể gỡ bỏ được. Kinh Kim Cang, Phật dạy:

“Nhược dĩ sắc kiến ngã

Dĩ âm thanh cầu ngã

Thị nhân hành tà đạo

Bất năng kiến Như Lai”.

Người cầu pháp cũng không đi theo đường Tứ đế dù cho đó là chân lý do đức Phật nói ra. Không cần phải thấy khổ, dứt tập, tu đạo, chứng diệt vì đó cũng chỉ là vị trí tạm thời của Thanh văn.

Tóm lại pháp là tịch diệt, vắng lặng vượt ngôn ngữ tư duy và mọi hình thức, có tâm cầu là còn khởi ý niệm tư duy, không sống được với pháp thể. Pháp không nhiệm trước cho rằng có Niết-bàn là vị trí tối cao cũng là hình thức nhiệm trước không phù hợp với pháp. Pháp không có chỗ thực hành, nếu cho rằng có pháp môn để thực hành, cũng không đúng với ý nghĩa cầu pháp. Từ pháp môn này so với pháp môn kia, sanh kỳ thị hơn kém, thế gọi là kẹt ở chỗ thực hành, không thấu được pháp thể. Pháp không có nắm giữ hay

buông bỏ, pháp không có chỗ nơi, pháp không hình tướng... pháp không thể dùng kiến văn giác tri để nắm bắt. Pháp là Vô vi, tất cả những hành động nắm buông, nhìn ngó... đều là Hữu vi không thể nào nắm được Chơn pháp.

Ở trong chỗ không thể cầu mà khởi một niệm - như ngài Xá-lợi-phất khởi niệm tìm ghé ngôi - là đã không thấy được pháp thể, cho nên Duy-ma-cật nhân đó đưa ra nguyên tắc “Đối với tất cả pháp nên không có chỗ cầu”.

Nếu không một niệm mới thật tìm,

Còn có tâm tìm toàn chẳng biết.

Chỗ thật pháp không dung một niệm, phải buông hết tất cả mới tương ưng.

2- Tòa Sư tử

Biện luận trên lý thể, nếu không bày tỏ sức thần thông diệu dụng để rơi vào chỗ cực đoạn, chỉ nói suông mà không cho thấy hùng lực của thật pháp. Vì thế đến đây Duy-ma-cật trở lại việc tìm tòa ngôi. Ông hỏi Bồ-tát Văn-thù cõi nước nào có tòa ngôi tốt đẹp bậc nhất. Được trả lời rằng ở cõi nước Tu Di Tướng có tòa sư tử cao lớn trang nghiêm, ông vận thần thông khiến ba vạn hai ngàn tòa sư tử đều hiện ở trong thất mình, như thế không thấy chật và cả cõi nước, đô thành cũng không cảm thấy bị ép ngạt. Cái thất của Duy-ma-cật chỉ rộng khoảng 4m2 mà dung chứa mấy trăm ngàn trời người, rồi thêm mấy chục ngàn tòa ngôi, tòa nào cũng cao lớn đến bốn muôn hai ngàn do tuần (42.000 do tuần # 84.000 cây sô), vẫn thấy thông thả. Duy-ma-cật chẳng phải ra sức vận chuyển hay trang hoàng, tòa ngôi tự có. Những việc này đều chỉ do sức diệu dụng, hoạt dụng tự nhiên khi đạt đến chỗ thấu suốt lý tánh, sống với tâm ấy thì mọi sự có đủ, như ta vốn sẵn đủ từ xưa nay.

Vô nhất vật trung vô tận tạng

Hữu hoa hữu nguyệt hữu lâu đài.

Chỗ “bản lai vô nhất vật” mà Lục Tổ nói đến, trong đó có cả kho tàng vô tận có hoa, có trăng và chứa đựng cả đền đài lầu các. Một đoạn kinh này cũng mô tả ý ấy.

Tòa ngồi cao rộng, Duy-ma-cật mời các đại Bồ-tát hiện thân cao bằng tòa rồi mới ngồi. Tòa và thân tương ứng nhau, tâm và cảnh xứng hợp, cảnh to lớn thì tâm cũng bao trùm. Xá-lợi-phất và các hàng bậc trung vì tâm chưa đạt mức viên dung vô ngại nên không thể lên tòa cao, cần phải đánh lễ đức Phật Tu Di Đăng Vương. Đánh lễ là quy mạng hướng về tức đem tâm nhỏ hẹp hướng về nơi cao rộng, tức có thể ngồi tòa này.

3- Bất tư nghị giải thoát

Nhân Xá-lợi-phất khen ngợi việc chưa từng có, Duy-ma-cật bèn giới thiệu sức giải thoát bất tư nghị của chư Phật và Bồ-tát. Chúng ta không giải thoát vì còn vướng mắc vào hình tướng, vào sự phân chia, vào thời gian không gian...

Ở đoạn kinh này giới thiệu sức giải thoát vượt ra khỏi hạn cuộc của hình tướng, của mọi ý niệm phân chia... bằng các ví dụ sau: Đem núi lớn nhét vào trong hạt cải, một vật thật nhỏ mà dung chứa cả ngọn núi trong lòng, không thấy bức bách. Đưa bốn biển lớn vào trong một lỗ chân lông mà nước biển không giảm sút. Lớn thật lớn, nhỏ thật nhỏ, chỉ là hình thức đối đãi, các vật chất đều phô bày hình tướng của chúng khác nhau. Nếu không kẹt vào tướng ấy, chúng ta có sức giải thoát, nên kinh mới cho đem vật lớn vào vật nhỏ. Ngày nay, một hạt nguyên tử có sức nổ lớn, khoa học có thể chứng minh điều đó.

Bồ-tát được sức giải thoát, có thể ngắt lấy tam thiên đại thiên thế giới như người thợ gốm nắm một cục đất sét. Thế giới của chúng ta thấy là to rộng, nhưng nhìn trong thế giới loài kiến, mỗi thì chúng cũng thấy thế giới của chúng là tam thiên đại thiên. Vậy thì phân biệt không có lý do tồn tại, không gian tùy quan niệm của đương sự.

Tiếp đến là giải thoát về thời gian. Dài hay ngắn, bảy ngày làm một kiếp, một kiếp rút lại làm bảy ngày là khả năng của Bồ-tát. Thật ra thời gian dài ngắn cũng là tương đối, tùy môi trường ánh sáng, tùy vòng quay của hành tinh. Thấu rõ những điều kiện này, chúng ta vượt qua giới hạn của thời gian.

Khả năng tập trung và khả năng phân bố, khả năng tự tại với sức gió sức lửa, khả năng tung hoành trong tất cả các phương sở nơi chốn, khả năng hiện các thân hình, biến các âm thanh... Những điều này nói về sức giải thoát đối với tứ đại, với các khoảng cách xa gần, với tất cả số nhiều không thể tính kể, đều

là sự diệu dụng. Người thông đạt bản chất các pháp như nhà nghiên cứu nắm một số bí quyết kỹ thuật, có thể làm tất cả những gì mình muốn. Trong phạm vi vật chất còn tạo được vô số thần thông, huống chi trên tâm thể không ngăn ngại, tâm thể rộng lớn không bờ mé thì tất cả biến hiện chỉ là bọt nổi.

Hiểu được ý này nên ngài Đại Ca-diếp hết lời khen ngợi pháp giải thoát bất tư nghi và khuyến khích đại chúng hướng về tâm Bồ-đề Vô thượng. Thanh văn nghe pháp này nên khóc rống lên, Bồ-tát nên hoan hỷ vui mừng, vì Thanh văn không hiểu được ý vi diệu, còn Bồ-tát thì thấu hiểu sức đại tự tại của chính mình.

Duy-ma-cật nói thêm, người trụ sức giải thoát bất tư nghi thường hiện làm Ma vương để thử thách, vì có thể lực mạnh nên hiện các sự bức bách khiến cho tâm hành giả thêm kiên cố. Nếu vượt qua được thử thách này thì mới trụ vào sức giải thoát bất tư nghi. Vì giải thoát này không phải là giải thoát bình thường mà là một sự chấn động lớn, sức giải thoát vi diệu cõi toang mọi ràng buộc rối rắm từ vô minh, từ tận trong hang sâu thẳm của mê mờ.

Quán Chúng Sanh

1- Bồ-tát vào đời

Phẩm Quán Chúng Sanh tiếp theo sau phẩm Bất Tư Nghi, có nghĩa là Bồ-tát khi đã được pháp môn Giải thoát bất tư nghi, đã thành tựu khả năng giải thoát cho mình cùng tất cả khả năng biến hiện tự tại, không phải để thọ hưởng những phép lạ ấy, mà sử dụng chúng như phương tiện đi vào cuộc đời, tiếp cận với chúng sanh, làm người bạn giúp đỡ, người cần thiết cho chúng sanh. Bồ-tát phải từ bỏ cảnh giới Giải thoát mà ở trong cảnh giới khổ đau, ở với tất cả chúng sanh đang bị vướng bị kẹt, giúp họ đạt giải thoát như mình. Cảnh giới của chúng sanh đa dạng, nên Bồ-tát phải có con mắt và phương cách làm việc đúng đạo lý.

a- Mắt trí tuệ

Bồ-tát Văn-thù hỏi Duy-ma-cật:

- Bồ-tát quán chúng sanh như thế nào? Tức là hỏi về cách nhìn chúng sanh, không phải nhìn theo cái thấy thông thường, mà là quán, quán là nhìn có kèm theo trí tuệ nhận biết.

Duy-ma-cật trả lời:

- Như nhà ảo thuật thấy các vật do mình biến hiện. Các vật biến hiện không có thật, không thể làm làm chính người biến hóa ra nó. Như họa sĩ vẽ một người đẹp, không thể nào đắm mền người đẹp trong tranh. Hết thấy các vật đều do tâm mình tạo, nên biết mà không kẹt.

Như người trí thấy trăng dưới nước, như bóng trong gương. Đó chỉ là sự phản chiếu của sự vật trên gương tâm.

Như sóng nắng, như tiếng vang, như mây giữa trời, như bọt nước, như sấm chớp... Những thí dụ này nói lên tính cách mong manh không bền chắc, chỉ thoáng có trong phút chốc. Tuệ Trung Thượng Sĩ nói: “Phàm thánh trời người như điện chớp”, ngay cả hình tượng Thánh nhân cũng chỉ như bóng chớp ngang trời, ngắn ngủi, mau chóng. Không thể níu giữ, không thể toan tính một thứ gì lâu dài, không thể khóc than khi nhìn một bọt nước tan biến. Cứ biết rằng nó đang tan biến. Đó là cách nhìn của người khôn ngoan.

Như đại thứ năm, như âm thứ sáu, như tình thức thứ bảy... như sắc tướng của cõi trời Vô sắc, như hạt giống cháy, như chứng Tu-đà-hoàn còn thân kiến... như dấu vết chim bay trên không, như con của thạch nữ... những chuyện kể trên là chuyện không thể có, không thể xảy ra. Quán sát chúng sanh như thế để thấy rõ bản chất không thật của chúng. Quán là nhìn về phía bản chất, không nhìn trên hình tướng. Ngoài những cách nói trên không có cách nào đúng hơn để diễn tả về chúng sanh.

b- Phương cách hoạt động

Chúng sanh tuy như vậy, vẫn hiện hữu, vẫn là hiện tượng không thể bỏ qua. Tuy chúng phù du nhưng lại nối tiếp không thể tính kể, Bồ-tát đối với chúng sanh nhìn như ảo mộng, phải thực hành các pháp từ, bi, hỷ, xả như thế nào? Duy-ma-cật giới thiệu phương pháp thực hiện lòng Từ chơn thật bằng cách vì chúng sanh nói pháp như trên, nghĩa là đánh thức cách nhìn của họ, chỉ ra bản chất thật để mọi người không lầm, đó là tình thương thật sự, vì thương mà đem đến sức giải thoát cho chúng sanh. Khi mọi người không lầm nữa thì tất cả đều tỉnh thức, đạt được giác ngộ là an vui tối thượng.

Thực hành lòng từ tịch diệt vì không chỗ sanh khởi, thực hành lòng từ không nóng giận vì chẳng có phiền não, thực hành lòng từ bình đẳng vì ba đời đều như nhau, thực hành lòng từ không tranh cãi vì không chỗ khởi lên để tranh chấp... thực hành lòng từ kiên cố vì tâm không hủy hoại, thực hành lòng từ thanh tịnh vì các pháp tánh thanh tịnh, thực hành lòng từ vô biên vì như hư không... thực hành lòng từ của A-la-hán, của Bồ-tát, của Phật, tùy theo từng địa vị để phù hợp với căn cơ... cho đến thực hành lòng từ theo lục độ... tất cả đều đem đến cho chúng sanh sự vui vẻ an lạc, mà Bồ-tát vẫn đạt được pháp lạc. Có nghĩa là vì chúng sanh mà làm việc, phần mình không bị thiếu tính chất Giác ngộ, vẫn đầy đủ phẩm hạnh và các đức tính cao đẹp. Như thế gọi là Bồ-tát vì chúng sanh vào đời làm việc, không bị chúng sanh mê hoặc.

Văn-thù-sur-lợi lại hỏi:

- Thế nào gọi là Bi?

Duy-ma-cật đáp:

- Bồ-tát có làm bao nhiêu công đức đều cho chúng sanh đồng hưởng.

- Thế nào là Hỷ ?

- Bồ-tát có những việc nhiều ích đều hoan hỷ không hối hận.

- Thế nào là Xả?

- Bồ-tát có những phước đức đều không hy vọng.

Ba đặc tính sau này nói lên sự buông bỏ của Bồ-tát, dù làm được những lợi ích lớn cho chúng sanh mà coi như đó là việc chung, không giữ riêng cho mình, không ân hận vì mình đã bị làm quá sức, bị hy sinh, không mong sự đền trả của người chịu ơn. Đó là vì Bồ-tát đã thâm nhập tính cách chúng sanh như huyễn, mình như huyễn, tất cả không thật thì có gì trong ấy mà mong cầu. Không mong cầu nhưng vẫn tích cực làm việc và chia sẻ hết tất cả công đức cho chúng sanh cùng hưởng.

c- Căn bản của các pháp

Đầy đủ bốn đức tính Từ, Bi, Hỷ, Xả là có thể làm việc với chúng sanh. Chúng sanh thì ở trong sanh tử, Bồ-tát cũng phải ở luôn trong sanh tử.

Văn-thù-sur-lợi hỏi tiếp:

- Sanh tử đáng sợ, Bồ-tát phải nương nơi đâu?

Duy-ma-cật đáp:

- Bồ-tát ở trong chỗ sanh tử đáng sợ phải nương vào sức Như Lai công đức.

Bồ-tát dù tình nguyện vào sanh tử, cũng phải có sức vững vàng, sức đó gọi là công đức Như Lai, sức mạnh được cung cấp từ các việc làm tốt đẹp tạo nên ảnh hưởng phước lực lớn.

Hỏi tiếp:

- Muốn nương sức Như Lai công đức phải trụ vào đâu?

- Phải trụ vào chỗ độ thoát tất cả chúng sanh.

Dường như ở đây có một cái vòng khép kín, vì muốn độ chúng sanh thì phải ở trong sanh tử, muốn ở trong sanh tử vững vàng phải nhờ sức của Phật, mà sức của Phật bắt nguồn từ việc độ chúng sanh. Có nghĩa là không phải nương tựa ở đâu xa, ở vật nào khác mà phải lập cước trên bản vị độ sanh.

Những câu hỏi - đáp tiếp theo dẫn dắt chúng ta đi đến cuối đường ngôn luận. Muốn độ chúng sanh phải trừ dẹp điều gì? Phải trừ dẹp phiền não của mình. Muốn trừ dẹp phiền não phải làm gì? Phải hành Chánh niệm. Hành chánh niệm tức là vô niệm, là hành pháp bất sanh bất diệt, chỗ không sanh không diệt đó được gọi là pháp Thiện, nghĩa là chỗ thiện tột cùng không có sự sanh khởi, khi không có sanh khởi cũng không có gì diệt mất, chỉ có một tâm y nhiên từ trước đến giờ, đó là chỗ bất diệt. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ dạy: “Đó là bản lai diện mục”. Cái xưa nay không từng khởi diệt là chỗ mình phải y theo đó thực hành Chánh niệm. Đi ngược lại thì khi có chánh niệm thì không có phiền não, không có phiền não gọi là độ thoát chúng sanh, hay là độ tất cả khổ ách sanh tử.

Hỏi tiếp về gốc của pháp thiện và bất thiện. Nghĩa là thiện và bất thiện bắt nguồn từ đâu, để đi đến chỗ pháp thiện không diệt, pháp thiện y nhiên một

mục trước sau? Dẫn đầu từ thân, thân bắt nguồn từ dục tham, dục tham có ra từ các phân biệt hư dối, phân biệt hư dối sinh khởi từ vọng tưởng điên đảo, vọng tưởng điên đảo được thành lập từ “vô trụ”. Vô trụ lấy gì làm gốc? Vô trụ thì không có gốc (vô trụ tắc vô bản). Không có một cái căn bản thứ nhất để làm chỗ sinh khởi vô trụ, vì bản chất vô trụ là không đứng ở đâu, không dựa vào đâu thì làm sao có được nền tảng chắc thật. Như thế vô trụ là điểm đầu tiên, cái then chốt sinh thành tất cả pháp (Tùng vô trụ bản, lập nhất thiết pháp). Chúng ta tưởng như có một pháp thật, có một điểm khởi đầu chắc thật để tạo nên các pháp, và cũng từ các pháp đó mình vin vào để thành lập công đức, nhưng điểm khởi đầu này thì không tung tích, không có chỗ khởi thì các pháp cũng chỉ như ảnh hiện, chợt có chợt mất. Trở lại với cách quán chúng sanh ở đoạn đầu phẩm này, như huyễn sư nhìn vật huyễn, có công đức tạo ra cũng như trong mộng nói mộng, nhìn như thế là nhìn đúng chánh pháp.

2- Thanh văn học tập

Bồ-tát thấy các pháp như huyễn nên an nhiên. Thanh văn chưa thấy được gốc vô trụ của các pháp nên phải lần lượt học tập.

a- Năm dục như huyễn

Trong thất Duy-ma-cật có một thiên nữ tung hoa cúng dường hội chúng, hoa ấy đến các vị Bồ-tát đều rơi xuống, đến bên các vị Đại đệ tử đều dính vào. Các vị dùng hết thần lực để phủi, hoa cũng không rơi.

Các vị Thanh văn giữ giới nghiêm minh, hoa là tượng trưng vật phi pháp nên các Ngài rất sợ dính. Lúc ấy thiên nữ bèn hỏi ngài Xá-lợi-phất: Vì sao phủi hoa? Quả thật, các Ngài xem hoa là vật phi pháp, là tượng trưng vật chất thế gian, không phải là kinh pháp, nên không ưa gần gũi. Trong thất Duy-ma-cật vốn không có gì, nay thiên nữ và hoa chỉ là vật biến hiện, không phải thật pháp. Dùng hình thức nữ nhân đối đáp cũng là điều úy kỵ của các Ngài, đoạn kinh này dường như đẩy ngài Xá-lợi-phất vào chỗ phải thấy tất cả hiện tượng đang xảy ra đều như huyễn.

b- Giải thoát ở tất cả chỗ nơi

Sau khi nghe thiên nữ biện luận về tính cách của hoa, ngài Xá-lợi-phất hỏi, cô ở trong thất này bao lâu. Thiên nữ nói, bằng thời gian giải thoát của bậc

trường lão kỳ túc. Thật ra giải thoát không có thời gian, cũng không có tướng mạo, nên đoạn kế tiếp thiên nữ luận rằng, ngôn thuyết văn tự cũng là tướng Giải thoát, tướng Giải thoát không có ở trong ở ngoài, tất cả tướng đều là tướng giải thoát. Nhìn ở khía cạnh rốt ráo không phân biệt thì chẳng có tướng nào là tướng ràng buộc, vì không thấy ràng buộc nên chẳng cần tìm giải thoát ở đâu. Cũng trong tinh thần này, khi Xá-lợi-phất hỏi thiên nữ chúng đắc được điều gì (một cách gài bẫy) thì thiên nữ lệ làng đáp chỗ vô chúng vô đắc.

c- Tám việc chưa từng có

Xá-lợi-phất hỏi thiên nữ cầu chứng thừa nào trong tam thừa? Thiên nữ trả lời tùy phương tiện giáo hóa mà thực hiện Thanh văn thừa hay Duyên giác thừa. Nhưng mục đích chính là Phật thừa, như người vào thất này chỉ thích mùi hương công đức của Phật, không thích hương công đức của Thanh văn và Bích chi Phật.

Thiên nữ kể tiếp về tám việc đặc biệt trong thất Duy-ma-cật:

- 1- Thất này thường có ánh sáng sắc vàng chiếu soi, không cần ánh sáng mặt trời mặt trăng.
- 2- Người vào thất này không bị các cấu uế quấy nhiễu.
- 3- Thất này được các vị trời Đế Thích, Phạm vương... các vị Bồ-tát phương khác đến hội họp không ngớt.
- 4- Thất này thường nói sáu ba-la-mật, pháp bất thối chuyển.
- 5- Thất này thường trỗi nhạc bậc nhất, phát ra vô lượng âm thanh pháp.
- 6- Trong thất có bốn kho tàng lớn cứu giúp khắp các kẻ nghèo thiếu.
- 7- Các đức Phật như Phật Thích-ca Mâu-ni, Phật A-di-đà... , mỗi khi Duy-ma-cật khởi niệm liền hiện đến thuyết pháp.
- 8- Tất cả cung điện trang nghiêm của chư thiên, các cõi tịnh độ của chư Phật đều hiện trong thất này.

d- Thân tướng như huyễn

Thất của Duy-ma-cật tượng trưng cho Như Lai tạng nên có các việc đặc biệt như thế, không phải là điều khó hiểu. Nhưng thiên nữ ở trong đây, tại sao không chuyển thân nữ, ý ngài Xá-lợi-phất cho là đã ở trong cái nhà vi diệu này mà còn mang thân nữ là dở lắm.

Đến đây là một màn hí lộng, thiên nữ nói tướng huyễn hóa không nhất định, và dùng thần lực khiến ngài Xá-lợi-phất thành thân nữ, để thấy thân tướng nữ nam chỉ như biến hóa, và tất cả tướng nữ nhân đều chẳng phải là tướng nữ thật. Khi ngài Xá-lợi-phất trở lại tướng cũ thì tướng nữ vừa rồi ở đâu? Cũng chẳng ở đâu. Thế nên biết tất cả pháp không ở đâu mà có mặt ở tất cả chỗ (Nhất thiết chư pháp vô tại vô bất tại), đó là ý nghĩa của pháp vô trụ đã nói ở trên.

e- Quả chứng như huyễn

Xá-lợi-phất hỏi thiên nữ:

- Bao lâu sẽ đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Thiên nữ đáp:

- Như Xá-lợi-phất trở lại thành phàm phu, tôi sẽ chứng quả.

Điều này không thể xảy ra, thì thiên nữ cũng không chứng quả. Vì sao? Vì Bồ-đề, Giác ngộ không có chỗ trụ nên không chỗ đắc. Nếu cho là có chứng đắc là trái ngược với tinh thần vô trụ ở trên. Tuy thế, chư Phật vẫn từng đắc quả trong tinh thần Vô sở đắc.

Thiên nữ này vốn đã là vị Bồ-tát có thần thông du hí, mượn chuyện vấn đáp với ngài Xá-lợi-phất để giáo hóa, để nâng đỡ tinh thần của hàng Thanh văn thấu ý chí của Đại thừa.

Phật Đạo

1- Bồ-tát thực hành Phật đạo

Nếu nói rằng Bồ-tát thực hành con đường đến quả vị Phật bằng các đức tính từ bi, trí tuệ, nhẫn nhục... thì rất dễ hiểu. Ở đây Duy-ma-cật nói về vấn đề này với vô số chiêu thức trái ngược như: Bồ-tát thực hành năm tội vô gián nhưng không phiền não, vào địa ngục mà không tội, vào loài súc sanh mà không có những lỗi vô minh kiêu mạn... cho đến ở trong tham dục mà lìa nhiễm trước, thị hiện sân giận mà đối với chúng sanh không có giận chướng, thị hiện bòn xén mà luôn xả bỏ, thị hiện phá hủy giới mà luôn an trụ tịnh giới... Đó là Bồ-tát thị hiện sáu tặc mà không trái sáu độ. Bồ-tát vào chúng sanh mà vẫn thuận với trí tuệ Phật. Thị hiện vào chỗ bần cùng, mà có tay báu bố thí không cùng tận... Thị hiện vào chỗ thân hình tàn tật mà đầy đủ tướng hảo... Cho đến vào khắp các đường để mà đoạn dứt nhân duyên của các đường.

Duy-ma-cật đã nêu ra các vấn đề cho vị Bồ-tát hành Phật đạo. Đây là một quan niệm mới lạ, cũng là một chân trời mới cho người thực hành Bồ-tát đạo. Nói tóm tắt, khi làm những việc trái đạo, nghịch lý, ở chỗ tội cùng đau khổ mà vẫn có đầy đủ tính cách giải thoát, có nghĩa tính cách của Phật tâm bao trùm khắp, không chừa một con đường nào, dù đường đó xấu xa. Hành phi đạo có nghĩa là đã vượt quá phi đạo, dùng phương tiện phi đạo để đến gần với chúng sanh. Chúng sanh ở những nẻo khổ thì nhiều hơn chúng sanh ở đường lành, Bồ-tát chỉ ở nơi trang nghiêm tốt đẹp thì không đủ phương tiện độ sanh nên phải hành phi đạo. Và người đã vào đường tà nẻo khổ không còn sợ tà ma khổ nạn, có nghĩa là các thứ phi đạo không đủ sức ngăn trở Bồ-tát, không làm đắm nhiễm Bồ-tát.

Có vị thiền khách hỏi thiền sư:

- Sau khi chết Sư đi đâu?

Sư đáp:

- Vào địa ngục.

Khách ngạc nhiên:

- Người như Sư mà vào địa ngục?

Sư cười:

- Nếu ta không vào đó thì ai độ ông?

Câu chuyện này cũng mang tính chất của Duy-ma-cật. Một câu chuyện khác của ngài Triệu Châu cho thấy ý nghĩa phi thường.

Bà già hỏi Triệu Châu:

- Làm sao để chuyển thân nữ?

Ngài đáp:

- Bà nên nguyện cho mọi người hãy chuyển thân nữ. Còn riêng bà tình nguyện làm người nữ.

Một lời nguyện như thế tỏ tính cách đại hùng, đại trượng phu, là đã chuyển rồi. Câu cuối cùng của Duy-ma-cật là một câu đáng lưu ý: “Hiện khắp vào các đường mà dứt nhân duyên của các đường”. Có nghĩa là đi đủ chỗ khắp nơi, là để dứt trừ cái nguyên nhân tiếp nối sanh tử, là để các đường tự thanh thản, bình an. Ý nghĩa của đoạn này rất mạnh, rất hùng tráng. Con đường hành phi đạo mới thông đạt Phật đạo là con đường các Phật tử phải lặn lội trong ấy với tất cả hùng lực của mình.

2- Những gì là hạt giống Phật

Bấy giờ, Duy-ma-cật hỏi lại Bồ-tát Văn Thù:

- Những gì là hạt giống Như Lai? (Hà đẳng vi Như Lai chủng?). Hạt giống Phật nằm ở đâu? Phải tìm nơi nào? Tương tự như con đường làm Phật là con đường nào, câu hỏi này để bổ túc cho những điều Duy-ma-cật đã trình bày ở trên. Hai vị Đại sĩ đã thay phiên nhau làm sáng tỏ vấn đề, một vấn đề tu học tưởng chừng như dễ nhưng thực sự rất khó hành.

Bồ-tát Văn-thù đáp:

- Thân trong ba cõi là hạt giống Phật.

Vô minh, tham ái, sân nhuế là hạt giống. Bốn điên đảo (vô thường cho là thường, vô ngã cho là ngã, bất tịnh cho là tịnh, khổ cho là lạc), năm cái, sáu nhập, bảy thức, tám pháp tà, chín não (chín phiền não ràng buộc chúng sanh: ái, nhuế, mạn, vô minh, kiến, thủ, nghi, tật, xan), mười điều bất thiện. Tóm

lại 62 kiến chấp và tất cả phiền não đều là hạt giống Phật (nhất thiết phiền não giai thị Phật chủng). Chủng tử Phật, hạt giống giác ngộ giải thoát nằm ở ngay trong trần lao phiền não. Vì sao? Có đau khổ cùng cực mới phát tâm cầu giải thoát.

Thế nên Bồ-tát Văn-thù nói tiếp:

- Nếu người trụ trong cõi vô vi (vô vi là cõi không còn sanh diệt đau khổ), người ấy không thể phát tâm cầu đạo Giác ngộ.

Như hoa sen không thể mọc ở trên cao nguyên, như trồng cây giữa trời không có kết quả. Trong bùn lầy phiền não là chỗ chúng sanh khởi lên hạt giống Phật pháp. Phiền não tà mê là nhân tố để hạt giống Phật nảy nở. Khi khổ đau chúng ta khởi ý niệm muốn thoát khổ, đó là mầm Phật xuất hiện. Trong đời đau khổ chúng ta có dịp tạo việc lành để cứu khổ, đó là lớp đất màu bồi dưỡng nhân Phật. Chỉ cần chính chúng ta thức tỉnh, ngay nơi vị trí mình đang sống, không lầm mê không cho mình là đã an lạc giải thoát, như thế đã phát tâm cầu Phật đạo. Trong đau khổ người ta dễ thông cảm, dễ nảy sanh từ tâm hơn ở những chỗ an nhàn. “Không vào biển lớn không được châu báu vô giá, không vào biển lớn phiền não không được hạt ngọc Nhất thiết trí”. Câu nói này một lần nữa khuyến khích hàng Bồ-tát sơ phát tâm, những người cần tu trong đời phát tâm tìm cho ra viên ngọc Phật ở ngay chính giữa lòng cuộc sống.

Khi nghe những đoạn đối đáp này, ngài Ca-diếp khởi lên lời ca ngợi: “Lành thay! Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đúng như lời Ngài nói, trần lao phiền não là hạt giống Như Lai”. Tôn giả Ca-diếp có vẻ như chê trách hàng Thanh văn trong câu nói: “Hạng tạo tội ngũ vô gián còn có thể phát tâm Vô thượng Bồ-đề, còn như chúng tôi vĩnh viễn không thể phát tâm”. Ngôn ngữ trong kinh Duy-Ma là ngôn ngữ nghịch lý, câu nói ngài Ca-diếp làm tăng thêm giá trị cho chúng sanh, và khuyến khích hàng Thanh văn rời bỏ Niết-bàn hóa thành mà phấn phát lên quả vị Phật. Bởi vì các vị Thanh văn rất sợ trần lao, sợ sanh tử, sợ con đường khổ, không dám bước vào cuộc chơi, e ngại lên đường. Trong cái nhìn Bồ-tát thì ở đâu mà không có Phật, mọi e ngại đều xóa tan thì đi và đến tự do, khứ lai không sợ.

Ra đi hẹn với xuân đầu

Buổi hồi nguyên lại phai màu bình minh.

(Bùi Giáng)

3- Thân quyền của một vị Bồ-tát

Bấy giờ trong hội có vị Bồ-tát tên Phổ Hiện Sắc Thân. Chúng ta lưu ý tên của Bồ-tát này cũng là ý chính của đoạn kinh này. Phổ Hiện Sắc Thân là thân hiện khắp nơi, thân có mặt mọi chỗ mọi lúc, lúc đó là năng lực hóa đạo, năng lực cứu giúp chúng sanh, năng lực hòa nhập của Bồ-tát. Thế nên Ngài mới hỏi Duy-ma-cật về thân bằng quyền thuộc, người công sự, những phương tiện xe ngựa, tóm lại là những gì một vị Bồ-tát có được. Duy-ma-cật đã dùng kệ trả lời, đại ý cho thấy một vị Bồ-tát sử dụng tất cả, hóa thân tất cả chỗ để làm lợi ích chúng sanh. Bồ-tát có mẹ là trí, cha là phương tiện, thầy là chúng tăng. Kinh Pháp Hoa nói chư Phật dùng trí tuệ và phương tiện giáo hóa, chúng ta nương đó mà thành tựu pháp thân như con người có cha mẹ mới có thân mình. Pháp hỷ là vợ, lòng từ là con gái, lòng lành là con trai, rốt ráo không tịch là nhà, còn những trần lao là đệ tử.

Bồ-tát có thân quyền từ bi thiện lành nên độ hết các phiền não nhiều như bụi. Bồ-tát dùng lực độ làm bạn, luôn luôn đi chung, còn tứ nhiếp pháp là kỹ nữ ca xướng vui tai. Bồ-tát dùng các pháp tông trì làm vườn hoa, các pháp vô lậu nhiều như rừng cây, các pháp giác chi làm bông hoa, và trái cây là giải thoát trí huệ. Bồ-tát mặc y phục tàm quý, đeo tràng hoa thâm tâm (tâm sâu kín), ngồi xe Đại thừa được kéo bằng voi ngựa ngũ thông, dùng cam lộ làm món ăn và nước giải thoát làm thức uống, tắm rửa nước tịnh tâm, xoa ướp hương giới phẩm. Trong những điều kiện đặc biệt như thế, Bồ-tát thành tựu được vô số công đức: Tiêu diệt giặc phiền não, chiến thắng bốn loại ma. Đây là lợi ích đầu tiên và phải có của một vị Bồ-tát. Sau đó là những lợi ích vì người:

Chúng ngộ không sanh diệt

Thị hiện nên thọ sanh

Hiện khắp mọi thế giới

Như mặt trời hiện khắp.

Bồ-tát tuy biết không có sanh diệt, bản thể lúc nào cũng tự như, nhưng thị hiện khắp nơi chốn (phổ hiện sắc thân) để độ sanh.

Thế giới và chúng sanh

Tuy biết đều là không

Nhưng thường tu tịnh độ

Giáo hóa cho quần sanh.

Bao nhiêu loài chúng sanh

Thân hình, ngữ âm, động tác

Bồ-tát sức vô úy

Một lúc đều hiện cả.

Đây là nối kết ý của Bồ-tát hành phi đạo, vào tất cả loài, hiện tất cả thân. Biết hết các việc ma mà thị hiện tùy theo chúng, dùng phương tiện trí đều hiện đủ nơi các ma. Hoặc thị hiện già bệnh chết để dạy cho chúng sanh biết đời ảo hóa mỏng manh.

Bồ-tát còn có khả năng hiện nhiều thân cùng một lúc, nếu có vô số ức chúng sanh đồng đến thỉnh Bồ-tát, Ngài đều đến nhà họ cùng một lúc giáo hóa. Bồ-tát biết rành nghề nghiệp, văn thơ thế gian, đều đi khắp hết các đạo giáo để giải trừ sai lầm không cho rơi vào tà kiến. Thời kỳ dịch bệnh, Bồ-tát thị hiện các dược liệu trị lành, thời kỳ đói khát, thị hiện các thức ăn uống làm cho hết đói khát rồi mới nói Phật pháp, thời kỳ chiến tranh thì khởi lòng từ dạy họ đến chỗ không tranh chấp, nếu có đại chiến thì khiến hai bên đồng sức nhau và hiện oai thế hàng phục cho hòa giải. Trong tất cả địa ngục, đến đó cứu khổ, trong loài súc sanh cũng hiện sanh vào để làm lợi ích, thị hiện thọ ngũ dục mà hành thiện.

Trong lửa sanh hoa sen

Mới đáng gọi hiếm có

Tu thiện trong dục lạc

Cũng hiếm có như thế

Hoặc hiện làm dân nữ

Dẫn dụ kẻ háo sắc

Trước dùng dục lôi kéo

Sau khiến vào trí Phật.

Bồ-tát không những có thể hóa làm vua trời, vua người, làm tiên trưởng, đại thần... mà cũng làm người nô lệ cho người sai khiến vui lòng rồi sau khiến phát tâm. Con đường Phật đạo hay Bồ-tát đạo rộng lớn không cùng, làm việc không ngừng, tất cả vì chúng sanh.

Phẩm Phật Đạo này khai triển mục đích chính của kinh Duy Ma Cật rất đầy đủ, kể rõ việc làm của hàng Bồ-tát và khuyến khích chúng sanh noi theo. Sống vì người, đó là lý tưởng tối hậu, với lý tưởng này đi vào thế giới nào cũng được yêu chuộng, ở nơi đâu cũng được ngợi khen. Tuy mới vào đề dùng lối nói ngược để chúng ta ngạc nhiên, nhưng ý sâu xa đã hiện rõ nơi phần kệ tụng. Chúng ta đọc suốt văn kinh này, cảm động vì việc làm của Bồ-tát, đồng thời nhen nhúm nơi tâm mình một ý nguyện hành động. Đó là mục đích mà ngài Duy-ma-cật nhắm tới.

Nhập Bất Nhị Pháp Môn

Một trong những công án Thiền là câu “Muôn pháp trở về một, một về chỗ nào?” Cái một ấy bao trùm tất cả, chứa đựng tất cả, dung thông tất cả, ở đâu cũng chính nó, vậy thì có gì đến đi. Danh từ một và hai chỉ là số lượng phân biệt của thế gian, nhưng từ chỗ khởi đầu phân biệt một và cái khác với một ấy, nảy sinh ra vô số phân biệt, lôi kéo không cùng. Nay đưa ra câu hỏi về “bất nhị”, cũng giống như ý nghĩa hành phi đạo chính là con đường Phật để các vị Bồ-tát nói lên quan điểm của mình. Qua đó, chúng ta thấy rằng Bồ-tát sau khi thực hiện tất cả việc độ sanh, đi khắp nơi, đến với mọi loài thì sẽ có một cái nhìn quán triệt, thông đạt không ngại.

VĂN KINH

Lúc ấy Duy-ma-cật nói với chúng Bồ-tát rằng: “Chư nhân giả! Thế nào là Bồ-tát vào pháp môn không hai?” Đến đây các vị Bồ-tát lần lượt nói lên ý kiến của mình.

1- Bồ-tát Pháp Tự Tại nói: Sanh và diệt là hai. Pháp vốn xưa chẳng sanh, nay ắt chẳng diệt. Được Vô Sanh Pháp Nhẫn là vào pháp môn không hai.

Nhìn tổng quát các hiện tượng, chúng ta bị chi phối bởi sự có mặt và sự biến mất của chúng. Bồ-tát nhìn trên bản thể, thấy không sanh diệt, được một cái nhìn sâu, bao trùm như thế thì thấy không có hai.

2- Bồ-tát Đức Thủ nói: Ngã và ngã sở là hai. Vì có ngã nên mới có ngã sở, nếu không có ngã thì không có ngã sở.

Vị Bồ-tát này đặt vấn đề chính ở bản ngã. Ý thức về mình về người, về cái của ta và không phải của ta, làm mọi sự chia cắt. Ngã là cái nút cần được tháo gỡ, một thi sĩ nói:

Khi chưa có ta hề đường đi thênh thang

Kịp khi có ta hề chông gai mênh mang.

3- Bồ-tát Bất Huyễn nói: Thọ và chẳng thọ là hai. Nếu chẳng thọ đối với các pháp thì là bất khả đắc. Vì bất khả đắc nên không lấy không bỏ...

Bồ-tát này đứng về thái độ và tư tưởng trên các pháp, chấp nhận hoặc không chấp nhận đều là hai việc cần buông bỏ. Đức Phật nói: “Ta đối với các pháp đều nhận biết, nhưng tất cả đều Vô sở thọ”.

4- Bồ-tát Đức Đảnh nói: Nhơ và sạch là hai, thấy bản chất thật của nhơ thì không thấy có tướng sạch...

Nhơ cũng như sạch, đều không có bản chất thật, tùy nghiệp, tùy các cư xử của mọi loài mà nói nhơ, nói sạch. Nơi đồng rác, đồng phân vẫn là nhà cửa của vô số loài, bỏ đi cái nhìn dị biệt, có nghĩa là đừng bắt mọi loài nhìn theo ý kiến của mình thì sẽ không thấy trở ngại. Tuệ Trung Thượng Sĩ bảo:

Pháp thân không ngăn ngại

Nào sạch lại nào dơ

Xưa nay không dơ sạch

Dơ sạch thấy tên sông.

5- Bồ-tát Thiện Túc nói: Động và niệm là hai. Chẳng động ắt là không niệm. Không niệm tức là không phân biệt.

Động là sự máy động, chớm khởi động của tâm thức, niệm là cái khởi động đã thành dòng tư tưởng. Cái chớm khởi còn ở tình trạng nguyên sơ, nhưng là đã tách mình ra khỏi khối đồng nhất, nên từ đó dẫn đến niệm tưởng, hễ có niệm tưởng thì mọi việc phân chia, không vào Pháp môn Bất nhị.

6- Bồ-tát Thiệt Nhân nói: Nhất tướng và vô tướng là hai. Nếu biết nhất tướng tức là vô tướng cũng không chấp giữ vô tướng, vào chỗ bình đẳng là vào pháp môn Bất nhị.

Có tướng và không tướng thay phiên nhau biểu hiện. Sự tướng nên tìm đến không tướng cũng còn kẹt hai bên, ngay nơi tướng biết là không có tướng, mọi vật bình đẳng.

7- Bồ-tát Diệu Tý nói: Tâm Bồ-tát và tâm Thanh văn là hai. Quán tâm tướng không, như trò ảo hóa thì không thấy có tâm Bồ-tát khác với tâm Thanh văn, đó là vào pháp môn Bất nhị.

Bồ-tát mà còn chấp có tâm Bồ-tát và tâm Thanh văn thì chưa phải Bồ-tát.

8- Bồ-tát Phát Sa nói: Thiện và bất thiện là hai. Nếu chẳng khởi ý cho là thiện, bất thiện, đến bờ mé vô tướng để thông đạt là vào pháp môn Bất nhị.

Vẫn thường hằng làm thiện nhưng không chấp trước vào việc của mình, không phân biệt đối xử khi gặp người thiện - bất thiện.

9- Bồ-tát Sư Tử nói: Tội và phước là hai. Nếu thông đạt tánh của tội thì cùng phước không khác...

Tánh của tội cũng như tánh của phước đều không thật, tội phước phát sanh từ tâm vọng, cho là tội là phước đứng về phía này chống báng phía kia đều là không đúng pháp thể.

10- Bồ-tát Sư Tử Ý nói: Hữu lậu và vô lậu là hai. Nếu chứng đắc các pháp bình đẳng thì không khởi ý niệm về hữu lậu, vô lậu, không chấp tướng cũng không trụ vào vô tướng...

Sở dĩ có phiền não là vì không thấy được tánh cách bình đẳng của các pháp. Nếu được tâm như thì đến chỗ vô lậu mà không còn chấp đó là vô lậu.

11- Bồ-tát Tịnh Giải nói: Hữu vi và vô vi là hai. Nếu lià tất cả số đếm thì tâm như hư không, do trí tuệ thanh tịnh không chỗ trở ngại mà vào pháp môn Bất nhị.

Pháp hữu vi có tạo tác hình tướng nên có số đếm, ở đây lià tất cả hình tướng đến chỗ tâm rỗng rang nên gọi là nhập pháp môn Bất nhị.

12- Bồ-tát Na-la-diên nói: Thế gian và xuất thế gian là hai. Tánh không của thế gian tức là xuất thế gian. Trong đó không vào, không ra, không đầy, không voi...

Chán thế gian nên hướng vào xuất thế gian. Lục tổ Huệ Năng nói: “Phật pháp tại thế gian. Bất ly thế gian giác. Ly thế mịch Bồ-đề. Kháp như tâm thổ giác.” Nghĩa là: Phật pháp ở tại thế gian. Không lià thế gian mà được giác ngộ. Lià thế gian tìm giác ngộ thì cũng như tìm sừng con thỏ.

13- Bồ-tát Thiện Ý nói: Sanh tử Niết-bàn là hai. Nếu thấy được tánh của sanh tử là không sanh tử. Không trời không mở, không cháy không tắt...

Tuệ Trung Thượng Sĩ nói: Tâm mà sanh chừ sanh tử sanh. Tâm mà diệt chừ sanh tử diệt.

14- Bồ-tát Hiện Kiến nói: Tận và bất tận là hai. Nếu là pháp cứu cánh tận cũng như bất tận đều là tướng vô tận...

Khi chúng ta phân biệt thì các pháp kéo dài, mong cho tận cùng hay không tận cùng cũng đều sai.

15- Bồ-tát Phổ Thủ nói: Ngã và vô ngã là hai. Ngã còn chẳng thể đắc làm sao đắc được phi ngã...

Thông thường chúng sanh chấp ngã, nhưng thật ra đó chỉ là cái hiểu biết về ngã không đến nơi đến chốn, cho nên rốt cuộc nói ngã, nói vô ngã cũng chỉ trên ngôn ngữ.

16- Bồ-tát Điện Thiên nói: Minh và vô minh là hai. Thật tánh của vô minh là minh. Minh cũng không thể giữ lấy, là tất cả số lượng trong ấy bình đẳng không hai.

Vô minh là mê mờ điên đảo, vô minh không có tánh chất thật cố định, nếu vô minh cố định thì làm sao tu? Biết được điều này là minh cũng đừng chấp tướng minh cố định vĩnh viễn.

17- Bồ-tát Hỷ Kiến nói: Sắc, không là hai. Sắc tức là không, phi sắc cũng là không...

Đây thuộc về lý Bát-nhã.

18- Bồ-tát Minh Tướng nói: Tứ đại và Không đại khác nhau, là hai. Tánh của tứ đại là tánh của không đại... Nếu biết tánh các đại là như vậy tức nhập pháp môn Bất nhị.

Tứ đại chủng và không đại chủng đều từ nguồn gốc ban đầu là nhất tâm, thế nên bản tánh đồng. Chỉ vì theo duyên nghiệp chúng sanh mà thấy có khác.

19- Bồ-tát Diệu Ý nói: Nhãn căn và sắc trần là hai. Nếu biết tánh của nhãn căn đối với sắc không tham, không sân, không si, đó gọi là tịch diệt vắng lặng. Năm căn và năm trần còn lại cũng giống như thế, các căn đối với các trần không bị chi phối là vào pháp môn Bất nhị.

Các Thiên sư thường nói: Căn trần không đến nhau là giải thoát. Vào pháp môn Bất nhị là vào chỗ giải thoát ấy.

20- Bồ-tát Vô Tận Ý nói: Bồ thí và hồi hướng Nhất thiết trí là hai. Cho đến tri giới... đối với hồi hướng Nhất thiết trí là hai. Tánh của bồ thí... là thật tánh của hồi hướng Nhất thiết trí. Ở trong ấy vào một tướng là pháp môn Bất nhị.

Hành lục độ là tiến đến Phật đạo, hồi hướng Nhất thiết trí cũng tiến đến Phật đạo, nên chỉ cần vào một tướng cũng đủ.

21- Bồ-tát Thâm Tuệ nói: Không, vô tướng, vô tác là hai (khác nhau nên thấy hai). Không tức là vô tướng, vô tướng tức là vô tác, vào một môn giải thoát tức vào ba môn giải thoát.

Ý này giống ý trên.

22- Bồ-tát Tịch Căn nói: Phật, Pháp, Tăng là hai. Phật tức là Pháp, Pháp tức là Tăng. Tam bảo đều là tướng vô vi, bình đẳng như hư không, tất cả pháp cũng thế.

Đối với Tam bảo là ba ngôi báu, các pháp dù quý dù tiện cũng đều bình đẳng. Lục Tổ nói: Phật là giác, Pháp là chánh, Tăng là thanh tịnh. Quy y Tam Bảo là trở về với ba đức tính sẵn có nơi một thân ta.

23- Bồ-tát Tâm Vô Ngại nói: Thân và thân hoại là hai. Thân tức thân hoại. Vì sao? Người thấy thật tướng của thân tức không thấy thân và thân hoại. Thân và thân hoại không hai, không thể phân biệt, đối với điều này không kinh sợ là vào pháp môn Bất nhị.

Vì yêu thích thân nên sợ mất thân, đó là còn thấy hai.

24- Bồ-tát Thượng Thiện nói: Thân, khẩu, ý lành là hai. Ba nghiệp đều không có tướng tạo tác... Nếu hay theo được tuệ không tạo tác đó là vào pháp môn không hai.

Làm lành mà không thấy có làm, đó là tuệ vô tác.

25- Bồ-tát Phước Điền nói: Phước hạnh, tội hạnh và bất động hạnh là hai. Tánh thật của ba hạnh ấy là không...

Làm tội và làm phước là một bên, không làm tội phước tức là bất động nghiệp, nghiệp vô vi, cho đó là một bên. Không khởi tâm về bên này hay bên kia nên vào pháp môn Bất nhị.

26- Bồ-tát Hoa Nghiêm nói: Từ ngã khởi nhị biên là hai. Thấy thật tướng của ngã thì không khởi pháp hai bên, không ở trong nhị biên đó là Vô sở thức...

Từ chấp có ta nên khởi lên thấy các pháp ngoài ta, đó là nhị biên, thấy có mình, người, chúng sanh... Nếu thấy ta không thật thì mọi cái thấy khác đều mất.

27- Bồ-tát Đức Tạng nói: Có tướng sở đắc là hai. Nếu không sở đắc ắt là không lấy, không bỏ. Không lấy, bỏ là vào pháp môn Bất nhị.

Tướng sở đắc gồm hai phần: năng đắc và sở đắc. Vì có năng thì có sở, chia hai bên. Không năng sở thì an nhiên vô vi.

28- Bồ-tát Nguyệt Thượng nói: Tối với sáng là hai. Không tối không sáng ắt không có hai. Như nhập Diệt thọ tướng định không tối không sáng...

Đối với sự cảm thọ các pháp như không gian, thời gian ánh sáng... đều lặng lẽ thì gọi là nhập pháp môn Bất nhị, trong đó chỉ có dòng tâm trôi chảy, đôi khi không cần ánh sáng ta vẫn thấy biết.

29- Bồ-tát Bảo Ấn Thủ nói: Thích Niết-bàn chán ghét thế gian là hai. Nếu chẳng thích Niết-bàn chẳng ghét thế gian thì không có hai. Vì sao? Nếu có trói ắt có mở, nếu vốn không bị trói thì ai cần mở. Không buộc không mở không ưa không chán là vào pháp môn Bất nhị.

Chọn lựa thì sẽ có vui buồn theo sau.

30- Bồ-tát Châu Đảnh Vương nói: Chánh đạo và tà đạo là hai. Người trụ chánh đạo thì không phân biệt là tà là chánh. Lìa hai cái này là vào pháp môn Bất nhị.

31- Bồ-tát Nhạo Thật nói: Thật và chẳng thật là hai. Người thấy thật còn không thấy chỗ thật chẳng thật. Vì sao? Chỉ có tuệ nhãn mới thấy được. Nhưng tuệ nhãn không thấy mà chỗ nào cũng thấy, đó là vào pháp môn không hai.

Đại ý hai vị Bồ-tát này nói đến chỗ chân lý chính đáng thì không chia đây kia hơn kém. Người giải thoát thật sự chẳng màng gì những so đo.

*

Ba mươi một vị Bồ-tát đều nói về pháp môn Bất nhị, mỗi người mỗi cách trình bày, nhưng đều gặp nhau ở chỗ tận cùng lẽ thật, chỗ không cho ý niệm và ngôn ngữ có thể chen vào. Bồ-tát là luôn luôn nêu lý tưởng đạt đến chân thật rốt ráo, luôn ở trong giải thoát. Nhưng qua lời các Ngài nói thì chỗ giải thoát thật sự chính là chỗ đất tâm không dính. Không còn chia phân. Đâu đâu cũng là viên minh tròn sáng.

Cuối cùng ngài Văn-thù nói rằng: “Theo ý tôi đối với tất cả pháp không nói, không thuyết, không chỉ bày, không ý niệm, lia vấn đáp là đến chỗ pháp môn Bất nhị.”

Đây là lời tổng kết, nói đến đây rồi mà hỏi Duy-ma-cật thì Ngài chỉ lặng thinh, “Thời Duy-ma-cật mặc nhiên vô ngôn”.

Sự im lặng của Duy-ma-cật là một lời kết thúc hay nhất, chấm dứt mọi ngôn ngữ. Nói hay không nói đều chẳng ra ngoài tâm, lời các Ngài nói đã nhiều rồi. Ở đây Duy-ma-cật hiển lộ chỗ không lời, “Chốn không lời là muôn tiếng ca”. Đòi sau ca ngợi Duy-ma-cật là im lặng sấm sét. Nhưng phải đi qua hết những giai đoạn mà các vị Bồ-tát trình bày ở trên rồi mới đến chỗ này.

Phật Hương Tích

1- Giới thiệu cõi Phật Hương Tích

Mượn vấn đề ăn trưa để gián tiếp giới thiệu một cõi Phật mà cách hóa độ khác hẳn cõi Ta-bà. Cõi Phật Hương Tích, tên gọi là nước Chúng Hương, ở đó không có đệ tử Thanh văn Bích-chi, chỉ có hàng đại Bồ-tát thanh tịnh. Tất cả đều cấu tạo bằng hương: lầu đài, vườn tược, đất đai, thức ăn là hương thơm tràn khắp mười phương. Đức Phật và đại chúng cõi ấy đang thọ thực, Duy-ma-cật không rời chỗ ngồi mà hóa hiện một vị Bồ-tát với tướng hảo, uy đức và ánh sáng siêu việt, làm lu mờ cả đại chúng cõi này. Duy-ma-cật bảo vị hóa Bồ-tát đến cõi Chúng Hương xin một phần cơm dư của đức Phật Hương Tích để về làm Phật sự ở cõi Ta-bà, làm cho những người ưa thích pháp nhỏ đều phát tâm về Đại thừa.

Đoạn kinh này ngoài ý nghĩa đề cao uy lực của Duy-ma-cật, vốn đã được đề cao rồi, muốn chúng hội thấy một cõi Phật trang nghiêm để phát khởi tín

tâm, trong đó còn hàm ngụ một nhận thức khoa học. Ngày nay khoa thiên văn khám phá trong vũ trụ có biết bao nhiêu hành tinh, bao nhiêu thế giới. Thế giới Chúng Hương có thể được cấu tạo bằng những chất nhẹ, có những yếu tố khác thế giới Ta-bà. Chúng sanh cõi đó cũng sinh hoạt khác, không phải ăn uống như chúng ta. Về việc một người có thể đến một thế giới cách xa như thế, và trở về trong khoảng bữa ăn thì hiện nay khoa học còn đang tìm những phương tiện du hành vũ trụ. Thuyết hóa thân cũng được sáng tỏ nếu sau này người ta thành công trong việc chế tạo phiên bản. Tóm lại cõi nước của Phật Hương Tích được giới thiệu như một hành tinh mà trình độ văn minh khoa học tiến xa hơn chúng ta. Những điều trình bày trong đoạn này không phải là quyền năng thần thông, nhưng được dự đoán bởi các nhà tu học chân chánh.

2- Công năng cơm Hương Tích

Khi các đại sĩ thấy hóa Bồ-tát đều ca ngợi và thưa hỏi đức Phật Hương Tích về cõi Ta-bà. Đức Phật bèn giới thiệu cõi phương dưới, đức Thích-ca đang hóa độ ở một nơi đầy những xấu ác tệ nạn, có những chúng sanh ưa tiểu pháp, Phật Thích-ca vì họ dạy đạo. Ở đó cũng có Bồ-tát tên Duy-ma-cật được sức giải thoát siêu việt, có công đức năng lực và thần thông rất lớn, mười phương đều có hóa thân đi làm Phật sự.

* Chúng ta ở cõi nhỏ nên tâm lượng nhỏ nhìn Duy-ma-cật như một cư sĩ, còn cõi Phật Hương Tích nhìn Duy-ma-cật như một đại Bồ-tát có những hành động phi thường. Người làm việc lớn có lượng thông cảm lớn cho nên Duy-ma-cật đã gặp được vị tri kỷ ở phương trên.

Chín trăm vạn vị Bồ-tát cõi Chúng Hương đều muốn đến thế giới Ta-bà, đức Phật căn dặn nên thâu bớt mùi hương nơi thân, thâu bớt oai nghi tướng hảo, và đừng khinh tiện cõi ấy khởi ý tưởng ngăn ngại. Vì sao? Vì mười phương cõi nước như hư không, và chư Phật vì hóa độ người thấp kém không thể hiện hết vẻ thanh tịnh của mình.

Khi vị hóa Bồ-tát cùng chúng đại sĩ về đến thành Tỳ-da-ly, Duy-ma-cật đã sắp sẵn những tòa sư tử đẹp để chào đón.

Ở đây nói về sự dung thông không ngăn ngại, nên trong ngôi thất nhỏ có thể chứa trăm vạn ức việc lạ lùng. Bây giờ bát cơm thơm đã lan tỏa khắp thành Tỳ-da-ly và đại thiên thế giới. Những hàng cư sĩ... nghe hơi thơm đều thích

thú, trưởng giả tử Nguyệt Cái cùng 84.000 người đều đến nhà Duy-ma-cật, các vị trời thần cõi Dục, cõi Sắc nghe hương thơm đều đến nhà Duy-ma-cật.

* Để diễn tả tính cách hương thơm làm Phật sự, chúng ta thấy mùi cơm thơm làm chúng sanh thân ý thơ thới, và đều nhận tín hiệu mà vân tập. Cơm là một thực phẩm nuôi sống, nhưng ở đây dùng thực phẩm mùi hương, chúng sanh dùng thức thực (ăn bằng ý thức), thực phẩm ấy nuôi lớn căn lành cho mọi người nên gọi là món ăn tinh thần.

Duy-ma-cật mời các vị Thanh văn thọ thực, lưu ý rằng cơm có mùi vị cam lộ của Phật, do đại bi huân ướp, nên không thể dùng ý thức có hạn lượng mà ăn, nếu sử dụng ý thức giới hạn thì ăn không tiêu. Dù chỉ là một bát cơm nhưng hết cả thế giới cùng ăn, mỗi vắt cơm lớn như núi mà ăn cả kiếp cũng không hết. Vì sao? Vì thức ăn dư của bậc đầy đủ công đức, bậc có vô tận Giới, Định, Huệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến thì không bao giờ cùng tận.

* Chúng sanh cũng có khả năng ăn suốt ngày, khi sáu căn gặp sáu trần. Nhưng chúng sanh ăn thức ăn vọng tưởng nên không an lạc, ăn từ vô lượng kiếp mà vẫn không no. Còn chỉ một chút ít cơm thừa của Phật, nhưng đó là từ thể tâm thanh tịnh, nên dù chỉ dùng một lần cũng đủ. Mã Tổ sau khi ngộ ở chỗ thiền sư Hoài Nhượng, khi thuyết pháp có vị tăng đến dò xét hỏi. Sư đã đáp “Từ loạn Hồ sau ba mươi năm, chưa từng thiếu tương muối.”

Khi đại chúng ăn cơm xong ai nấy đều cảm thấy thân an lạc, tâm vui, như các Bồ-tát ở thế giới “Nhất Thiết Lạc Trang Nghiêm”. Từ lỗ chân lông mọi người phát ra mùi thơm vi diệu như mùi các cây ở nước Chúng Hương.

Ăn cơm xong thì việc làm của Duy-ma-cật cũng gần xong. Đại chúng dù trời người hay hàng Thanh văn đều trở nên như Bồ-tát. Diễn tả mùi thơm từ lỗ chân lông có nghĩa là toàn thân, không sót một phần nào của cơ thể, toàn đại chúng không sót một ai đều được pháp vị, được lợi ích lớn. Cho nên từ đoạn này trở đi không còn chuyện các vị cần nhẫn, ngạc nhiên gì cả. Như vậy từ đầu hiện bệnh đến lúc thọ trai, Duy-ma-cật đã mời đại chúng dự một hội pháp lớn, đã trình diễn đủ phương tiện, làm các kiến chấp nhỏ hẹp rơi rớt hết. Kết thúc là một buổi tiệc thú vị phi thường. Ai cũng ăn được, cơm vẫn không hết, ai cũng có khả năng thành Phật, mà đất tâm y nhiên, chưa từng hao hụt mất mát, không phải vì mất phiền não mới được cơm Phật. Ở đây nhà thiền nói “Tròn đồng thái hư, không thiếu không dư”.

3- Các phương tiện giáo hóa

a- Sự khác nhau giữa hai thế giới

Duy-ma-cật hỏi các vị Bồ-tát nước Chúng Hương về phương tiện thuyết pháp ở cõi ấy. Đức Phật Hương Tích không dùng văn tự, chỉ dùng hương thơm khiến mọi người vào chánh pháp. Bồ-tát cõi ấy ngồi dưới cội cây thơm nghe mùi hương thì được chánh định, đầy đủ mọi công đức.

Đôi lại, khi được hỏi về cách giáo hóa của đức Thích-ca, Duy-ma-cật đã cho thấy được một kỳ công điều phục ở cõi này. Vì chúng sanh đều thuộc hạng cứng đầu khó dạy, đức Thích-ca phải dùng lời nói mạnh (khác với sự nhẹ nhàng của Phật Hương Tích). Nói bao nhiêu điều khổ ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh... dùng toàn lời nghiêm trọng. Nói về những tà hạnh của thân, miệng, ý và những quả báo dữ dội, nguy hiểm, ghê sợ của những lỗi lầm ấy. Lại còn phải chỉ dạy cặn kẽ: đây là giữ giới, đây là phạm giới, đây là nên làm, đây là không nên làm, đây là bị tội, đây là lia tội, đây là sạch, đây là nhơ... Phân tích như thế này chỉ vì chúng sanh ngu si càng cường, tâm như khỉ vượn, vừa nghe liền quên, tâm luôn nhọc nhằn nắm bắt. Phải dùng toàn lời cay đắng, đau đớn như quất roi vào xương mới tỉnh ngộ. Chúng ta thấy những người thông minh hiền dụ chỉ cần nói một lời nhẹ cũng đủ sợ sệt biết lỗi, với người ngu đần hung dữ thì phải đánh mắng trị phạt, phải có luật lệ giam cầm mới sợ. Do đó những nhà tù, những hình phạt có ra chỉ vì đối với người ngu kẻ dữ.

Các Bồ-tát nước Chúng Hương nghe Duy-ma-cật nói xong đều nói rằng: Thật hiếm có! Như đức Phật Thích-ca phải che khuất vô lượng sức tự tại mà dùng những pháp của kẻ nghèo cùng ưa thích để độ thoát chúng sanh, các Bồ-tát cõi này cũng mệt nhọc khiếm tốn để dùng vô lượng đại bi mà sanh ở cõi này.

Như thế đã rõ, hai cõi Phật hai cách giáo hóa khác nhau. Chỉ vì căn cơ chúng sanh hạ tiện nên Phật cùng chư Bồ-tát kiên nhẫn dùng cách thức đối với người hạ tiện.

b- So sánh công đức hóa độ

Duy-ma-cật nói rằng: Đúng như lời các Ngài nói. Bồ-tát ở đây có lòng đại bi kiên cố. Nhưng một đời ở đây hóa độ nhiều hơn hóa độ công đức ở cõi khác

trăm ngàn kiếp. Vì sao? Cõi Ta-bà có mười việc lành mà các cõi tịnh độ khác không có:

- 1- Dùng bố thí nhiếp phục bần cùng.
- 2- Dùng tịnh giới nhiếp phục phá giới.
- 3- Dùng nhẫn nhục nhiếp phục sân hận.
- 4- Dùng tinh tấn nhiếp phục giải đãi.
- 5- Dùng thiền định nhiếp phục loạn ý.
- 6- Dùng trí tuệ nhiếp phục ngu si.
- 7- Nói pháp trừ nạn để độ tám nạn.
- 8- Dùng pháp Đại thừa độ người ưa Tiểu thừa.
- 9- Dùng các căn lành cứu tế người không có đức.
- 10- Thường dùng tứ nhiếp pháp thành tựu chúng sanh.

Như thế Bồ-tát tu ở cõi Ta-bà công đức nhiều gấp trăm ngàn lần các Bồ-tát ở những cõi tịnh độ khác. Vì ở đây các vị có dịp thực hành lục ba-la-mật, rèn luyện thêm những đức tốt. Nói là độ sanh vì người nhưng khi thực hành các việc lành chính là thành tựu công hạnh cho mình. Như giáo sư giảng dạy, vì phải nghiên cứu kỹ nên lại giỏi hơn, thông suốt vấn đề hơn. Như thế tu ở cõi Ta-bà không có gì phải nản lòng.

c- Tám hạnh lành của Bồ-tát

Bồ-tát nước Chúng Hương hỏi: Ở thế giới này Bồ-tát thành tựu bao nhiêu pháp mới được trọn vẹn không khiếm khuyết?

Duy-ma-cật đáp:

- Thành tựu tám pháp:

- 1- Làm lợi ích chúng sanh mà không mong báo đáp.

- 2- Thay thế tất cả chúng sanh thọ khổ mà có bao nhiêu công đức đều cho hết.
- 3- Tâm bình đẳng đối với chúng sanh, khiêm tốn vô ngại.
- 4- Đối với các Bồ-tát xem như Phật, với kinh chưa nghe, nghe mà không nghi.
- 5- Đối với Thanh văn không có tâm chống trái.
- 6- Không ganh ghét khi người được cúng dường, không đề cao lợi dưỡng của mình, mà đối với những việc ấy thường điều phục tâm.
- 7- Thường cảnh tỉnh lỗi mình, không tuyên truyền lỗi người.
- 8- Thường nhất tâm cầu các công đức.

Trong tám điều lành chúng ta có thể chia ra như sau.

Ba điều lành đối với chúng sanh (1-2-3), rất khó không phải dễ. Làm lợi ích cho họ, thay thế khổ cho họ mà lại có tâm bình đẳng. Bồ-tát không quán triệt ngã không pháp không thì căn lành không thành tựu.

Hai điều 4-5 là đối với hàng Bồ-tát và Thanh văn nghĩa là tuy kính Bồ-tát mà không chê Thanh văn.

Hai điều 6-7, là đối với những điều xảy ra cho mình, cho người. Tâm lý chúng sanh là ganh với người, khi thấy người có chút lợi lộc liền không ưa, với mình thì có lợi mấy cũng được. Và lỗi mình tự che, lỗi người cứ tuyên truyền. Những điều này tưởng như tầm thường nhưng nếu làm được một trong tám điều trên – nhất là 6-7 thì đã là hạnh Bồ-tát, được sanh về tịnh độ. Chúng ta nếu quyết tâm không ganh người, không đề cao mình thì hạnh lành viên mãn. Và cũng nên hiểu rằng nếu thành tựu tám điều trên đây, thì hương thơm hạnh lành của chúng ta đã xông ngát cho mười phương cõi, nơi ta ở là tịnh đô hiện tiền. Đó là đại ý phẩm Phật Hương Tích. Mùi hương ở đây không ở nơi các loại hương liệu, nước hoa, mà chính từ ngay những công hạnh, qua tám điều kể trên.

Bồ Tát Hạnh

1- Sự thay đổi ở vườn Yêm-la

Chủ yếu của kinh Duy Ma Cát là thuyết minh về hạnh Bồ-tát, hạnh rộng lớn nguyện làm đẹp cuộc đời. Từ tâm địa thấp nhỏ của phàm phu muốn đổi sang tâm rộng lớn, cần có một sự chuyển biến. Những phẩm trước, phần chuẩn bị đã xong, đến phẩm này chính thức xuất hiện tâm nguyện Bồ-tát. Cho nên đất đai hốt nhiên rộng lớn đẹp đẽ và chúng hội cũng đều sáng chói như vàng ròng. Điều này cho thấy phù hợp với câu mở đầu của kinh, là “Tùy theo tâm tịnh mà Phật độ tịnh”. Tâm nguyện rộng lớn là điều kiện căn bản cho hạnh Bồ-tát, tâm rộng cho nên đất đai vườn tược rộng, điều đó báo trước rằng Bồ-tát sẽ đến, nên trong văn kinh Phật bảo A-nan:

- Duy-ma-cát, Văn-thù và đại chúng muốn đến thăm ta.

Ở bên thành Tỳ-da-ly, Văn-thù cũng nói với Duy-ma rằng:

- Nên đi, nay chính là đúng lúc. Có nghĩa là tâm mọi người đã đến đúng thời phát khởi.

Duy-ma-cát dùng thần lực đem hết cả đại chúng cùng tòa ngồi, để trong tay hữu mà đưa đến trước Phật. Sự di chuyển quá ư dễ dàng. Bởi vì nhà thiên có câu: “Tất cả cõi nước nằm trong con mắt của sa-môn”, tâm lượng nhỏ hẹp nên phân biệt đây kia ngăn trở, khi tâm lượng dung thông thì chôn chôn nơi nơi đều là nhà mình. Biểu hiện thần thông của Duy-ma-cát cho thấy là vừa phát ý liền đến, vừa mở tâm liền rộng, chẳng có giới hạn.

Các chúng Bồ-tát đến nơi đánh lễ Phật, ngồi yên nơi tòa. Phật hỏi ngài Xá-lợi-phất:

- Ông thấy hành động thần lực tự tại của Bồ-tát chăng?

Ngài Xá-lợi-phất xác nhận đó là điều không thể đo lường, không thể nghĩ bàn. Vì trí hiểu biết hạn cuộc thế gian không thể nào thông cảm được tâm Bồ-tát, như khi chúng ta đọc chuyện tiền thân Phật bố thí thân mình cho cọp đói, chúng ta vẫn không nghĩ ra có người như vậy. Trong cái vô biên vô cùng thì kiến thức chúng ta như con đom đóm, chỉ có Bồ-tát với Bồ-tát mới

thông cảm. Và các Ngài khuyên mình “Đừng suy nghĩ đo lường”, tắt hết so đo mới đến được cõi Phật.

2- Giá trị cơm Hương Tích

Ngài A-nan bỗng nghe mùi hương lạ, trước chưa từng có, nên hỏi Phật. Phật bảo là mùi hương từ lỗ chân lông của các vị Bồ-tát. Bồ-tát đến cõi này trang nghiêm quốc độ, đem mùi hương đến giới thiệu. Mùi hương không phát xuất từ nước hoa, mỹ phẩm tầm thường, mà phát xuất từ cơm Hương Tích. Cơm đó có công năng làm Phật sự, như một chất liệu Phật pháp, chúng sanh nương nơi cơm pháp này thành tựu đạo nghiệp. Duy-ma-cật bảo với A-nan về giá trị của cơm Hương Tích, tùy theo người ăn:

- Nếu là hàng Thanh văn chưa đắc quả, ăn cơm ấy đắc Tứ quả, cơm mới tiêu – Không phải là loại cơm khó tiêu, nhưng vì còn lậu hoặc nên cơm không tiêu, ý là như thế.
- Người chưa phát ý Đại thừa thì ăn cơm này đến khi phát ý Đại thừa mới tiêu.
- Người đã phát ý, ăn cơm này đến khi được Vô sanh nhẫn mới tiêu.
- Người được Vô sanh nhẫn ăn cơm này đến địa vị Nhất sanh bất tử (Là Bồ-tát còn một đời thành Phật) mới tiêu.

Như vậy ăn cơm này chỉ có tiền chớ không lùi, giúp người tu tiên thẳng tới chỗ rốt ráo. Cơm dùng để nuôi sống thân mạng, mà cơm đây nuôi sống Sự giải thoát, khi nào còn một chút triền phược thì pháp môn tu tập vẫn còn cần thiết như cơm cần cho người.

3- Những phương tiện Phật sự

Nhân một bát cơm cõi Phật Hương Tích có thể làm Phật sự lớn lao, đức Phật giới thiệu những phương tiện của chư Phật dùng để hóa độ chúng sanh, ứng hợp căn cơ ý thích của mỗi loài mỗi cõi mà có ra những cách thức làm Phật sự.

Có cõi nước dùng ánh sáng của Phật, như chúng ta dùng đèn trang trí tượng Phật, tạo niềm tin và gây tin tâm cho người, cũng là dùng ánh sáng làm Phật sự.

Có cõi nước dùng các vị Bồ-tát làm Phật sự, Bồ-tát như các vị hảo tâm, các nhà từ thiện nguyện cứu trợ chúng sanh. Dùng người biến hóa của Phật, Phật thường ẩn đi thân tướng hảo, để các hóa thân ứng hợp với tâm chúng sanh, vì người biến hóa thì thiên hình vạn trạng. Một người Châu Phi chỉ cảm phục người Châu Phi, cũng có vị bác sĩ Tây phương hy sinh vào nước chậm tiến để cứu độ, đó cũng là người biến hóa của Phật.

Dùng các hình thức như cây Bồ-đề, y phục ngọa cụ của Phật để làm Phật sự, như chúng ta chiêm bái Thánh tích mà khởi tâm cảm mến.

Cho đến dùng hư không mà làm Phật sự. Hư không như nhiên chẳng đến chẳng đi, buông hết mọi thứ để tâm trống rỗng như hư không thanh lặng, cũng là một cách tu.

Dùng các thứ vô thường mau chóng có chợt không, hoặc là không thật như giấc mộng, những cách này dễ tác động đến tâm lý chúng sanh. Có chứng kiến ảo ảnh thay đổi, có thấy được sự phù du, như tấn tuồng trên sân khấu, chúng ta mới thức tỉnh mà lo tu tập.

Nói rằng tất cả cách thức chúng ta gặp hoặc mọi oai nghi ngồi đứng của chư Phật đều là Phật sự, cho đến trần lao phiền não cũng đáng trân trọng, vì đó là hình ảnh Phật sự. Đó là với tâm Phật thì nhìn đâu cũng là Phật. Phần này Phật giới thiệu những phương tiện giáo hóa, cũng là muốn nhắc nhở chúng ta khi tiếp cận với đời sống hằng ngày, mọi âm thanh sắc tướng đều là con đường đưa chúng ta vào đạo. Ngài Linh Vân thấy hoa đào mà ngộ, ngài Hương Nghiêm nghe tiếng sỏi, một ngón tay của Câu Chi, Thủy Lão ăn một cái đập của Mã Tổ... Tất cả đều là Phật sự, đều đưa người qua một phen chuyển biến, đều biến đất đai thành vàng ròng.

4- Vào pháp môn của tất cả chư Phật

Chư Phật dùng ngay cái mỗi một sợ hãi của chúng sanh về Tứ ma, về tám muôn bốn ngàn phiền não mà làm Phật sự. Ngay phiền não tức thành Bồ-đề. Lục Tổ nói:

Phật pháp tại thế gian

Bất ly thể gian giác
Ly thể mịch Bồ-đề
Kháp như câu thổ giác.

Đề đánh tan ý niệm quý tiện sang hèn, phân biệt kia đây, ở đâu phẩm đã ảnh hiện sự dung thông. Đền đây đức Phật nhắc lại.

Bồ-tát vào pháp môn này, pháp môn Bất nhị, khi thấy tất cả cõi Phật trang nghiêm đẹp đẽ thì đừng lấy đó làm mừng, không tham trước không tự hào. Khi Bồ-tát thấy tất cả cõi Phật như ướ ướ đừng sanh tâm ưu sầu, e ngại, tiêu trầm (thối lui).

Một câu này cũng cảnh tỉnh chúng ta, đối trước mọi cảnh tượng đẹp xấu đừng cho là quan trọng. Nên xem tất cả là Phật độ, là việc Phật, là hình ảnh Phật. Như thế mới mạnh dạn bước vào đời, phát tâm làm việc lợi ích. Nếu chọn lựa thì chắc là không ai thích ở ướ ướ, không thành tựu được hạnh Bồ-tát.

Phật nhấn mạnh rằng: Công đức của chư Phật bình đẳng, vì giáo hóa chúng sanh mà hiện Phật độ không bình đẳng. Có nghĩa là cõi nào cũng cõi Phật, không cần ưa đây chán kia. Một đóa hoa bên đường giá trị bao nhiêu? Như một cõi Phật không kém.

Ba câu:

- Câu thứ nhất là Tam-miệu Tam Phật-đà.

- Câu thứ hai là Đa-đà A-già-độ.

- Câu thứ ba là Phật-đà.

Ba câu này, ý nghĩa như nhau, đồng nói đến thân tướng và diệu dụng công năng của chư Phật đồng nhau. Ý nghĩa này dù nói đến tận kiếp số cũng không hết, vì còn dùng ngôn ngữ văn tự là còn giới hạn, vì mỗi hạt bụi là một cõi Phật với sức biến hóa không lường, trùm khắp xưa nay.

Ngài A-nan bạch Phật rằng: “Con từ nay không dám tự cho mình là đa văn”. Đây chỉ là tượng trưng cho việc xả bỏ Thanh văn mà hướng về Bồ-tát, nên Ngài từ chối danh vị của mình. Phật khuyến khích thêm bằng cách giới thiệu

trí tuệ của Bồ-tát. Biển sâu còn có thể đo lường, nhưng thiên định, trí huệ, tổng trì, biện tài, công đức của Bồ-tát không thể đo lường.

Một chút thần thông của Duy-ma-cật đây, tất cả hàng Thanh văn biến hóa hết sức trong trăm ngàn kiếp, cũng không làm được.

5- Pháp môn Tận Vô tận giải thoát

Các Bồ-tát nước Chúng Hương xin đức Phật dạy cho vài pháp môn để trở về nước mình.

Phật dạy pháp môn: Tận Vô tận giải thoát. Tận là hữu vi, Vô tận là vô vi, pháp môn này giải thoát cả hữu vi vô vi, vượt ra ngoài hữu vi và vô vi.

Hữu vi là các pháp có hình tướng hoại diệt. Bồ-tát đi vào pháp môn bất tận hữu vi nghĩa là không để pháp hữu vi chấm dứt, chấp nhận hình tướng sanh diệt của chúng sanh. Thế nên đi vào đời mà không bỏ đại từ, đại bi, giáo hóa chúng sanh không chán mỏi. Chúng sanh là tượng trưng cho tất cả phiền lụy bất an, Bồ-tát vì đã có chí kiên quyết nên vào chốn sanh tử không sợ sệt, đối với vinh nhục không buồn vui. Đó là thái độ:

Nhậm vận thịnh suy vô bố úy
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô.

(TS. Vạn Hạnh)

Đối với sanh tử luân hồi tưởng như đi dạo trong lầu các. Có người hỏi thiền sư:

- Hòa thượng sau khi chết đi về đâu?
- Làm lừa làm ngựa.
- Rồi sau đó?
- Ta vào địa ngục.
- Hòa thượng là bậc đại thiện tri thức vì sao bị vào địa ngục?
- Ta không vào đó thì ai đến giáo hóa ông.

Một câu chuyện này cho thấy ý nghĩa Bồ-tát không chấm dứt Hữu vi, luôn dùng pháp dược của Phật đem giáo hóa chúng sanh, để biến các nơi khổ thành chỗ an vui, luôn ở trong hữu vi mà làm lợi lạc. Đó gọi là Bồ-tát không chấm dứt Hữu vi (Bất tận hữu vi).

Bồ-tát không trụ Vô vi là Bồ-tát không mắc kẹt trong Không. Quán sát vô thường mà chẳng chán thế gian. Quán sát Vô ngã mà luôn dạy người, dù người không thật, ta không thật. Quán lẽ Tịch diệt mà không ở trong Tịch diệt lặng lẽ. Quán vô lậu nhưng chẳng đoạn tuyệt các lậu.

Vô vi được hiểu như là chốn tịch diệt lặng lẽ, nhưng Bồ-tát với đại nguyện độ sanh lại quay về với chỗ rộn ràng sanh tử. Dù trong tâm không vướng mảy trần mà luôn cứu giúp người nghèo khổ. Biết ba cõi như mộng huyễn nhưng không làm ngơ với tiếng kêu cầu của chúng sanh. Biết các pháp hư vọng không thật nhưng luôn tu phước đức, thiên định, trí huệ. Đây là để trừ bệnh chấp Không, vì nếu quán các pháp Không rồi chẳng chịu tu tập, thì nguy hiểm hơn người chấp CÓ để sợ tội.

Tóm lại, Hữu vi là có, Vô vi là không. Bồ-tát vượt qua cả hai điều có - không, luôn hành hạnh đại bi cứu đời, đó là ý nghĩa bài kệ trong kinh Lăng Già:

Thế gian thường như mộng
Trí chẳng chấp Có - Không
Mà khởi tâm đại bi.

Và cũng là pháp môn chẳng hết Hữu vi chẳng trụ Vô vi trong phẩm này.

Các Bồ-tát nghe Phật dạy xong, khen ngợi tán thán rồi trở về nước của mình.

Thầy Phật A Súc

1- Pháp quán Phật thân

Tựa phẩm này là “Kiến A-súc Phật”, và toàn phẩm này hàm ngụ ý: Phải thấy Phật qua con mắt nào? Trước tiên, chữ A Súc (Axobya) nghĩa là Vô động, Bất động. Phải nhìn bằng cái không động, không động đây chẳng phải là cái

Tĩnh đối với Động, mà là cái tịch nhiên vắng lặng vượt ngoài cả Động - Tĩnh.

Mở đầu, đức Phật hỏi Duy-ma-cật:

- Ông dùng cách gì để thấy Phật?

Duy-ma-cật đưa ra pháp quán Thật tướng của thân. Hỏi về Phật mà đưa thân mình làm đầu đề, có phải là một sự vô lễ? Để cho thấy tính cách bình đẳng giữa Phật và chúng sanh, cho nên nói: “Nhu quán thật tướng của thân, quán Phật cũng vậy”. Đây cũng là khẳng định Phật hiển hiện qua mọi nơi, mọi lúc, không tự khi mình, thái độ của bậc Đại sĩ.

Quán Thật tướng như thế nào? Không đến, không đi, không trụ, không phải sắc, không phải không, không có dấu vết của sáu cửa ra vào (sáu cơ quan tiếp xúc sáu trần mà không để lại dấu vết, không lưu giữ hình ảnh). Không phải một tướng duy nhất, chẳng phải nhiều tướng khác nhau. Không phải bờ này, không phải bờ kia, chẳng ở giữa dòng..., chẳng tịnh chẳng uế..., chẳng tham chẳng thí..., không ra không vào...

Tất cả một đoạn kinh này đã nói lên ý nghĩa chữ “Vô Động”, tức là không kẹt trong bất cứ một ý niệm ngôn từ, không thể dùng một hình thái nào để gọi đó là Phật. Nhà Thiền cũng có một lời khuyên phù hợp: “Chỗ không Phật cứ đi qua, chỗ có Phật chẳng đứng lại”, giúp chúng ta cởi bỏ nốt cái chấp trước vào danh từ đẹp nhất là “Phật”. Khi không còn một ý niệm, không còn đối đãi dấy lên, đó chính là Phật A-súc hiện tiền.

Duy-ma-cật kết luận: Thân của Như Lai là như thế, quán như thế là Chánh quán, nếu quán khác gọi là Tà quán.

Kinh Kim Cang có câu:

Nếu dùng sắc thấy ta
Dùng âm thanh cầu ta
Người ấy hành đạo tà
Không thể thấy Như Lai.

2- Duy-ma-cật đến từ đâu?

Vào đầu đoạn này, Xá-lợi-phất hỏi một câu dường như tương phản với những điều đã trình bày ở trên:

- Ông chết ở đâu mà đến sanh đây?

Câu hỏi có chết sống, có nơi chốn rời bỏ đến và đi, Xá-lợi-phất cố ý không hiểu lời đối đáp của Duy-ma-cật với Phật ở trên chăng?

Thật ra đây chỉ là một cách giới thiệu khéo léo về đề tài “Vô Động”. Duy-ma-cật hỏi:

- Pháp mà Ngài đắc được (có nghĩa là chân lý) có chấm dứt và sanh ra chăng?

Đáp:

- Không.

Nếu các pháp không có tướng chết đi và tướng sanh ra thì tại sao hỏi tôi câu ấy? Thí như nhà ảo thuật biến ra người nam nữ, người do sức biến hóa có chết-sống chăng? Câu này ngụ ý nhắc chúng ta rằng thấy có chết đây sanh kia là thấy như huyễn, sống chết đều như huyễn, đều bất động trong cái vắng lặng, giống như thấy có bọt nước nổi chìm trong biển bao la. Bọt nước nổi chìm trăm ngàn lần cũng chỉ là trong cái tịch tịnh an nhiên của biển.

Phật giới thiệu Duy-ma-cật đến từ nước Diệu Hỷ, một cõi nước của Phật Vô Động. Đến từ chỗ Phật Vô Động thì cũng như không đến. Vậy mà Xá-lợi-phất ngạc nhiên: “Sao lại có người chịu bỏ cõi thanh tịnh để vui lòng sanh ở nước nhiều sân hận này?”

Vì cõi kia là cõi Diệu Hỷ, cõi này là cõi khổ đau. Nếu còn thấy có đây kia và có vui đối với khổ, là còn chưa hiểu hết ý “Vô Động”. Duy-ma-cật đáp bằng thí dụ: Mặt trời chiếu sáng chỗ tối, Bồ-tát đến chỗ khổ đau để giải trừ tối tăm phiền não cho chúng sanh. Ánh sáng chiếu soi chỗ bụi như tăm tối nhưng ánh sáng không bị bụi như, không bị tăm tối, Bồ-tát tuy sanh trong cõi như ướ nhưng không bị cấu nhiễm.

Đoạn này để khích lệ các vị phát tâm Bồ-tát, không sợ sanh tử, không sợ phiền não, đi khắp nơi chốn với một tâm an nhiên. Một tâm an nhiên bất động có thể ứng phó với mọi cái thô động.

Thiền sư Đại Hàm đang đọc sách trong phòng, có một tên cướp cầm đao xông vào. Sư điềm nhiên hỏi:

- Người cần đòi tiền hay cần đòi mạng?

- Cần tiền.

Sư thấy ra bọc tiền bảo cầm đi, tên cướp vừa quay lưng, Sư kêu:

- Hãy khoan! Khi ra ngoài nhớ đóng cửa cẩn thận.

Sau đó, tên này nói với đồng bọn:

- Ta từng trộm cướp nhiều mà chưa lần nào bị khiếp vía như lần đó.

Đề thấy với bản tâm không động, ứng phó tự nhiên không trệ ngại mà xong tất cả.

3- Thấy Phật Vô Động

Bấy giờ đại chúng đều muốn thấy cõi nước Diệu Hỷ và Phật Vô Động. Phật bảo Duy-ma-cật hãy hiện cõi Diệu Hỷ cùng Phật - Bồ-tát - Thanh văn.

Tại sao đức Phật Thích-ca không đem cõi Diệu Hỷ đến mà bảo Duy-ma-cật hãy hiện cõi ấy? Có lẽ nếu chúng ta khôn ngoan một chút thì đã đánh lừa đức Phật của chúng ta, vì cõi Phật và Phật đâu có xa xôi gì. Bảo hãy hiện cõi Phật, mà không bảo hãy đem cõi Phật đến, hoặc đưa chúng cõi này đi. Chúng ta thấy được sự thâm sâu ở đây: Mỗi người đều có thể hiện cõi Phật ngay tức thời, không cần phải đến đâu, đi đâu.

Một tướng quân đến hỏi thiền sư Bạch Ẩn:

- Thật sự có thiên đường, địa ngục không?

Thiền sư hỏi lại:

- Ông là ai?

- Tôi là một danh tướng.

Thiền sư cười to nhạo báng:

- Một kẻ ngu si như ông là một tướng quân à? Trông ông giống tên hàng thịt.

Tướng quân rút gươm ra. Thiền sư nói:

- Đó là địa ngục.

Tướng quân chợt nhận thấy và rút gươm vào vỏ, xin lỗi. Thiền sư nói:

- Cửa thiên đường mở rộng.

Như thế đã hiện đủ cảnh ngay nơi ta.

Duy-ma-cật lúc ấy bèn nghĩ rằng: “Ta không cần đứng dậy mà có thể cầm lấy cõi nước Diệu Hỷ cùng toàn bộ đất nước sông núi, bầu trời tinh tú, trời rồng quý thần, chúng Bồ-tát Thanh văn, thành phố làng xóm cùng nhân dân, đức Phật Vô Động và toàn bộ chúng hội đang tu tập, cả cõi trời cao nhất là cõi Sắc cứu cánh cho đến Thủy luân thấp nhất, đều có thể đưa vào thế giới Ta-bà, như thợ gôm ngắt một khối đất nơi tay.”

Và quả thật, Duy-ma-cật đưa toàn bộ thế giới Diệu Hỷ đặt vào thế giới Ta-bà mà không làm lay động cả hai thế giới. Đây cũng là ý nghĩa dung thông tương nhiếp của Hoa Nghiêm. Như thế, thế giới Diệu Hỷ tức là thế giới Ta-bà và ngược lại, không có tăng giảm, không ngăn ngại. Chỉ khi tâm đổi khác thì Phật và Thánh chúng hiện tiền, không cần phải rộn ràng du lịch, đã là cõi Phật Vô Động thì tự nhiên đến cũng như đi. Một đoạn kinh này như trò chơi lý thú của bậc Bồ-tát, khiến chúng ta ngưỡng mộ thần thông của Duy-ma-cật. Nhưng đôi lúc người ở nước Mỹ, vẫn có thể đem cả làng mạc xóm giềng của Việt Nam chứa đầy ký ức, dù đi đến đâu cũng đem theo được. Với tâm vọng tưởng còn có thể làm như thế, huống chi tâm thanh tịnh, sự ảnh hiện trong suốt vô ngân.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất: “Ông thấy thế giới Diệu Hỷ và Phật Vô Động rồi chứ?” Câu hỏi này vang vọng đến chúng ta. Xin nguyện cho mọi người đều được đất nước thanh tịnh như Phật Vô Động, được sức thần thông như Duy-ma-cật.

Sa-di Cao khi mới đến chỗ thiền sư Dược Sơn, Sư hỏi:

- Ta nghe ở Trường An đất nước náo loạn, ngươi biết chăng?

Sa-di thưa:

- Nước con an ổn.

Sư hỏi:

- Ngươi do xem kinh được hay thưa hỏi được?

Thưa:

- Chẳng do xem kinh, cũng chẳng do thưa hỏi.

Nhận ra được cái an ổn nơi mình không phải từ bên ngoài, nên thiền sư Dược Sơn chấp nhận Sa-di này. Sư còn hỏi:

- Có lắm người chẳng xem kinh, chẳng thưa hỏi sao chẳng được?

- Chẳng phải họ không được, chỉ vì không chịu thừa nhận.

Ở những người không tu, vẫn có sẵn tính an ổn, chỉ vì họ không nhận ra. Đó là lời nhắc của nhà Thiền.

Lời cuối cùng là lời khen ngợi của Xá-lợi-phất, cũng là chỗ tri kỷ nhận ra nhau. Ngài rất vui khi nhận ra Duy-ma-cật, để cùng bàn luận làm sáng tỏ chân lý bất động, để làm cho chúng sanh hiện tại chứng kiến được lợi ích, chúng sanh đời sau nghe nói về điều này, tìm hiểu thọ trì cũng được lợi ích.

Pháp Cúng Dường

1- Thiên Đế phát nguyện

Khi Pháp – dưới hình thức kinh điển – xuất hiện ở đời, bởi mục đích là tạo phương tiện cho mọi người đến được bờ chân lý. Pháp có giá trị như ngọn

đèn chiếu soi, như chiếc bè đưa người, như con đường an ổn giữa những rừng rậm mù sương. Pháp chính là lời dạy của Phật, lời hướng dẫn cần thiết của bậc Đạo sư, người thấy rõ chân lý tối hậu.

Ngày xưa khi các vị khất sĩ được nghe pháp xong, liền tán thán:

- Lành thay! Bạch Thế Tôn, như một vật sụp đổ được nâng lên, như một vật giấu kín được khám phá, như ngọn đèn được đốt lên trong đêm để những ai có mắt có thể trông thấy. Giáo lý mà đức Thế Tôn truyền dạy cũng như thế.

Và Dạ-xoa Alavaka, khi gặp Phật đã đặt câu hỏi:

- * Vật sở hữu quý nhất của người là gì?
- * Điều gì, nếu thực hành đúng sẽ đem lại hạnh phúc?
- * Hương vị nào ngọt ngào hơn tất cả?
- * Sống thế nào gọi là cao thượng nhất?

Phật trả lời:

- * Niềm tin là vật sở hữu quý nhất.
- * Giáo pháp, nếu thực hành đúng, sẽ đem lại hạnh phúc.
- * Sự chân thật là hương vị ngọt ngào nhất.
- * Sống với trí tuệ gọi là cao thượng nhất.

Giá trị của pháp lớn lao như thế, nên trong bộ phận các kinh đều có phần khuyến khích ủng hộ cúng dường Pháp.

Trong phần mở đầu phẩm này, vua trời Đê-thích, vua cõi trời Đạo Lợi (còn gọi là trời Tam thập tam vì gồm có 33 tầng trời cho 33 thiên tử) đã phát nguyện: “Tuy tôi đã theo Phật nghe được trăm ngàn kinh điển, nhưng chưa từng nghe kinh điển Bất khả tư nghì – Tự tại thần thông Quyết định Thật tướng này. Như nếu có người nghe được mà tin hiểu thọ trì đọc tụng tu hành theo kinh, chắc chắn sẽ là người đi theo trọn vẹn con đường Giác ngộ, người bước theo dấu chân chư Phật.

Nếu có những người như thế, tôi và quyến thuộc sẽ cúng dường phụng sự đầy đủ. Dù người đó ở đâu, hoặc nơi nào có kinh này tôi và quyến thuộc sẽ đến đó ủng hộ.”

Đức Phật xác nhận:

- Ta hoan hỷ khen ngợi ông. Kinh này giảng rộng về quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của ba đời chư Phật. Cúng dường kinh này tức cúng dường ba đời chư Phật.

Như vậy kinh này, pháp môn mà Duy-ma-cật cùng chư vị đệ tử Thanh văn Bồ-tát đã luận thuyết trong kinh này, những lời vấn đáp, pháp thần thông trong đây, chính là cách thức mà ba đời chư Phật đã tu tập và chứng quả Giải thoát. Chúng sanh nào nghe hiểu và thực hành kinh này, chính là đã tham dự trong hội kinh, đã cùng chư vị Đại sĩ nếm một lần cơm Hương Tích, đã thấy cõi Phật A-súc.

Đức Phật đưa ra so sánh: Phước cúng dường chư Phật với phước được nghe gặp thọ trì tin hiểu tu tập kinh này, thì phước sau hơn hẳn phước trước.

Như chúng ta tặng quà cho muôn ngàn vị tiền sĩ, thì cũng chỉ là làm đẹp thêm cho một người đã có giá trị, như trên gắm thêm hoa. Nếu mở trường lớp để huấn luyện cho mọi người học để thành tiền sĩ, chắc chắn lợi ích hơn. Và biến đổi một chúng sanh còn mê mờ trở thành một người Giác ngộ, qua phương cách tu tập theo kinh điển, giá trị cũng như một bạch diện thư sinh thi đỗ trạng nguyên. Thi đỗ rồi thì mọi hạnh phúc từ đó mà đến, điều quan trọng là phải học hành đúng để thi đỗ.

Giá trị của Pháp cúng dường hơn hẳn mọi cách thức cúng dường vật chất, là như thế. Chúng ta có thể hiểu thêm, khi đọc chuyện Bàn Công chở của cải đổ xuống sông, để cả nhà tu tập đạo lý Vô sanh. Tiền tài dù đem bố thí cúng dường cũng gây vướng mắc tâm lý, đưa người sử dụng cũng còn sự oan gia. Chi bằng đem tự thân thực hành Pháp, đó là của báu tối thượng.

2- Thuật chuyện tiền thân

Phật bảo với Thiên Đế về một cách cúng dường Pháp thời quá khứ. Thời của đức Phật Dược Vương, có một vị Chuyển luân thánh vương tên Bảo Cái,

đầy đủ bảy món quốc bảo, có một ngàn người con. Vua đã cúng dường đức Phật Dược Vương đầy đủ vật dụng trải qua năm kiếp, sau đó khuyến khích các vương tử cũng nên cúng dường cho Phật. Giàu sang uy quyền như Chuyển luân thánh vương mà cúng dường thì là chuyện quá dễ dàng, như người nhà giàu bớt đi một đồng bạc. Thế nên trong số các vương tử, có một vị tên Nguyệt Cái suy nghĩ: “Có cách cúng dường nào thắng vượt hơn nữa không?” Dược thần lực Phật mách bảo đến gặp đức Dược Vương Như Lai hỏi về Pháp cúng dường.

Phật dạy:

- Cúng dường Pháp đó là kinh sâu xa do chư Phật thuyết, tất cả thế gian khó tin khó thọ, vi diệu khó thấy... Đó là dấu ấn của Ấn Tổng Trì, lên tới địa vị Bất thối chuyển... bật dứt tướng ta, tướng người... Kinh thâm nhiếp tất cả trí tuệ của Hiền Thánh, giảng thuyết chỗ hành đạo của chư Phật... cứu vớt tất cả chúng sanh... chỉ rõ vui Niết-bàn. Nếu nghe những kinh như thế mà tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, đó gọi là Pháp cúng dường.

Phần thứ nhất của Sự cúng dường là nghe, thọ, đọc tụng giảng nói.

Phần thứ hai là cúng dường tối thượng, nghĩa là tu hành theo kinh. Biết một lời trung đạo, biết không có ta có người nhưng vẫn tùy thuận sự vận hành của Nhân duyên - Quả báo.

Theo tứ y:

Y theo nghĩa, không y theo lời nói

Y theo trí, không y theo thức

Y theo kinh liễu nghĩa,

không y theo kinh bất liễu nghĩa

Y pháp không y người.

Tu tập quán sát dứt Vô minh cho đến dứt Lão tử. Lìa luôn tướng Dứt và tướng Khởi.

Vương tử Nguyệt Cái nghe Phật dạy về cách cúng dường pháp tối thượng, đã phát nguyện thực hành, làm người giữ gìn chánh pháp.

Vương tử phát lòng tin mà xuất gia tu tập Thiện pháp, một lòng tinh tấn, chẳng bao lâu được Ngũ thông, đủ đạo Bồ-tát được Tổng trì, biện tài không dứt. Sau khi Phật diệt độ, dùng sức của mình tiếp tục giảng dạy giáo pháp của Phật Dược Vương trong mười kiếp. Tỳ-kheo Nguyệt Cái là một vị giữ gìn Pháp tinh tấn đặc lực, một đời đó hóa độ trăm vạn ức người lập chí bất thối chuyển đối với đạo quả Giác ngộ, mười bốn na-do-tha người phát tâm Thanh văn, Bích chi, vô lượng chúng sanh được sanh lên cõi trời.

Đức Phật Thích-ca kết luận:

- Vương tử Nguyệt Cái chính là thân ta thuở ấy.

Qua câu chuyện, đức Phật cho thấy một hình ảnh cúng dường bằng pháp một cách rõ rệt. Vị Tỳ-kheo tu tập đặc pháp đã hóa độ biết bao nhiêu người, lợi ích lan rộng cả hằng sa thế giới. Cho nên lời kết của phẩm này:

“Thế nên này Thiên Đế! Nên dùng sự cúng dường Pháp để cúng dường chư Phật”.

Xưa nay chúng ta quen hình thức dùng tiền tài vật thực cúng dường. Đó là sự trợ giúp tu tập, kết quả có nhiều phước báo, việc này dễ thực hành.

Cao hơn một chút là đi nghe giảng kinh, rồi đọc tụng, giảng dạy lại cho người, cũng là một hình thức làm cho chánh pháp lưu truyền rộng.

Nhưng thâm ý của chư Phật là muốn chính chúng ta được trở thành như Phật, đó là mục đích đào tạo. Cho nên nếu tự thân mình thực hành Pháp, tự thân mình được an vui giải thoát, đó mới là hoàn thành bản nguyện. Kinh dùng các cấp độ tu tập từ thấp lên cao, ban đầu là cúng dường gieo duyên, mình vẫn là người đứng ngoài. Cho đến khi đi sâu vào dòng pháp, đơm nhuần mưa pháp, và chính mình trở thành nguồn pháp, thì đó mới là viên mãn. Nếu chỉ chú trọng việc cúng dường vật chất thì có nhiều việc không hay, người đua nhau tạo phước không lo tu, nguồn sáng không có người tiếp nối. Việc thực hành pháp lại khó khăn, đòi hỏi sức kiên trì, nên mọi người thích chọn sự dễ dàng. Như thế không đặt việc thực hành tu tập lên trên, thì chánh pháp lâu dần mai một. Cho nên thâm ý của phẩm này đặt trọng tâm ở chỗ “Dùng Pháp cúng dường” nghĩa là cúng dường bằng chính sự tu tập của mình.

Chúc Lụy

1- Gửi gắm kỳ vọng vào tương lai

Chúc lụy là dặn dò giao phó gửi gắm. Vị Bồ-tát được Phật gửi gắm kinh này là Bồ-tát Di-lặc, vị Bồ-tát sẽ thành Phật tiếp theo đức Phật Thích-ca. Vị Bồ-tát này chủ trì của Duy thức, phân biệt rộng về những tầng tâm thức của chúng sanh. Tuy học hỏi phân biệt, nhưng rốt cuộc là để không còn lưu lại một chút gì phân biệt, đó mới là tánh thật của Duy Thức.

Hiện tiền lập thiếu vật,
Phi thị Duy thức tánh.

Muốn duy trì kinh này chúng ta cũng phải học hạnh Di-lặc, từ bi dung thông.

Đức Phật nói: Đời sau có những chúng sanh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ưa thích đại pháp, nếu không nghe kinh này ắt là mất lợi ích lớn. Nếu những người như thế được nghe kinh này ắt là phát lòng tin, phát tâm hy hữu, sẽ lãnh thọ. Sau đó sẽ tùy chỗ lợi ích của chúng sanh mà giảng nói kinh này.

Như vậy đức Phật đã thối một niềm tin vào tương lai, tin tưởng vào sự nghiệp lưu truyền chánh pháp được nối tiếp bởi vì luôn luôn còn có người tin hiểu. Lời dặn dò của đức Phật cũng đánh thức chúng ta tin vào khả năng của mình, dù đối với kinh điển Bất tư nghi cũng không mất phần tham dự.

2- Hai hạng Bồ-tát

Phật dạy tiếp có hai hạng Bồ-tát:

* Một là hạng ưa câu văn phức tạp hoa mỹ, hạng này là Bồ-tát Tân học.

* Hai là hạng không nhiệm không trước, không kinh sợ kinh điển thậm thâm, nghe rồi tin hiểu tu tập. Đó gọi là Bồ-tát đạo hạnh tu lâu.

Lại, về hàng Bồ-tát Tân học cũng có hai thái độ: Một là đối với kinh điển thậm thâm, khi nghe đến thì sanh nghi ngờ, chê bai chẳng tin. Đó là thái độ từ chối tiếp nhận nên không chịu tu tập để được lợi ích. Hai là đối với người

hộ trì giảng thuyết kinh điển này, họ không gần gũi cúng dường mà trở lại chê bai nói xấu. Qua hai thái độ này thì thấy là không có lợi ích trên đường giải thoát vì có tính cố chấp.

Lại, có hai điều mà hàng Bồ-tát tiên bộ, tin hiểu pháp sâu mà vẫn làm tự hại mình: Một là khinh ngạo chỗ dở kém của Bồ-tát Tân học. Hai là tuy tin hiểu pháp sâu mà còn chấp tướng phân biệt. Bồ-tát tu lâu phải biết hai điều này để từ bỏ, và tiến đến Vô sanh pháp nhẫn.

Như thế dù mới học hay tu lâu vẫn có những thứ bệnh cần trừ dẹp, đó là Phật cho thuốc để ngừa bệnh về sau.

3- Bồ-tát phát nguyện

Nghe Phật dạy xong, Bồ-tát Di-lặc phát nguyện lìa xa những lỗi đã nêu trên và dùng sức thần của mình giúp đỡ hộ trì chúng sanh đời vị lai được gặp, nghe, thọ trì kinh điển này.

Các vị Bồ-tát trong hội cũng đồng nguyện ủng hộ lưu bố kinh này trong mười phương.

Các trời Tứ thiên vương – còn gọi là những vị trời hộ đời – cũng nguyện ủng hộ an lành cho những ai thọ trì kinh này.

Chính nhờ những sức hộ trì, những lời nguyện lành này mà chúng ta cũng còn được nghe, được gặp bản kinh thậm thâm này.

Có thiên khách hỏi thiên sư:

- Ý nghĩa thâm sâu của thiên là gì?

Sư nói:

- Thiên không che giấu gì với ông.

- Tôi vẫn chưa hiểu.

Sư bảo khách đi theo mình ra sau núi và hỏi:

- Ông có nghe mùi hoa quế không?

Khách còn ngẩn ngơ. Sư tiếp:

- Thấy chưa, ta không che giấu một điều gì.

Không có gì bí mật che giấu, như hoa quế vẫn thơm tự xưa nay, chỉ chúng ta không nghe ra được sự mâu nhiệm của Kinh.

A-nan hỏi Phật: “Kinh này tên là gì?” Phật dạy: “Kinh này tên Duy Ma Cật Sở Thuyết, cũng còn gọi là Pháp Môn Giải Thoát Bất Khả Tư Nghì. Hãy thọ trì như vậy”.

---o0o---
Hết